



ANNIE BESANT

Dịch giả : TRI THIÊN VÀ BẠCH LIÊN

# BÍ QUYẾT CỦA NHƠN SINH

(THE RIDDLE OF LIFE)

Nhóm hội viên Thông Thiên Học hải ngoại  
hiệu đính và xuất bản tại Hoa Kỳ

2006



# MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
VÀI LỜI NÓI ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 THÔNG THIÊN HỌC LÀ GÌ?.....	3
CHƯƠNG 2 THÁI DƯƠNG HỆ.....	7
CHƯƠNG 3 CON NGƯỜI VÀ NHỮNG THỂ GIỚI CỦA NÓ .....	13
CHƯƠNG 4 CON NGƯỜI VÀ NHỮNG THỂ HƯ HOẠI....	19
XÁC THÂN.....	20
CÁI VÍA.....	22
CÁI TRÍ.....	25
CHƯƠNG 5 NHỮNG THỂ BẮT DIỆT HAY LÀ TRƯỜNG SANH BẮT TỬ CỦA CON NGƯỜI.....	27
TIÊN THỂ.....	28
KIM THÂN.....	29
THƯỢNG TRÍ.....	29
CHƯƠNG 6 LUẬT LUÂN HỒI.....	31
LUÂN HỒI TRONG QUÁ KHỨ.....	31
SỰ LUÂN HỒI RẤT CẦN THIẾT.....	34
TẠI SAO CHÚNG TA QUÊN NHỮNG TIỀN KIẾP?.....	40
CHƯƠNG 7 SỰ BÍ MẬT CỦA LÒNG THƯƠNG VÀ GHÉT .....	45
CHƯƠNG 8 NHÂN QUẢ: LUẬT HÀNH ĐỘNG VÀ PHẢN ỨNG.....	58
CHƯƠNG 9 BA SỢ CHỈ CỦA SỢ DÂY ĐỊNH MẠNG.....	62
CHƯƠNG 10 QUYỀN LỰC CỦA TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA NÓ.....	66
CHƯƠNG 11 CÁC GIAI ĐOẠN TRÊN ĐƯỜNG ĐẠO.....	70
CHƯƠNG 12 NHỮNG HUYNH TRƯỞNG CỦA CHÚNG TA .....	75
CHÂN THÀNH TRI ÂN.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>



## VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Bà A. Besant viết quyển sách nhỏ này chủ yếu giải nghĩa một cách tổng quát những bí mật về đời sống con người.

Những lời giải thích tuy vắn tắt, nhưng rất đầy đủ cho những người mới tìm vào cửa đạo.

Đọc kỹ quyển sách này, quý bạn thấy việc gì xảy đến cho chúng ta ở cõi trần này, đều có căn nguyên, từ kiếp này hay kiếp trước.

Trời đất rất công bình, khiến con người phải gặt những quả của hột giống mình đã gieo. Trồng dưa thì gặt được dưa, trồng đậu được đậu. Không bao giờ gieo lúa, bắp mà lại gặt tiêu, hay ót, không ai thấy ương hột xoài mà cây mận lại mọc lên . . .

Cho nên nhân nào sanh quả nấy.

Nếu một người đang làm lành, chưa được hưởng phước, vì y còn phải trả quả xấu đã gây ra, quả tốt chưa đến lúc, nên chưa đến.

Còn kẻ ác chưa mắc hoạ, vì y còn hưởng phước do những việc phải y đã làm và quả ác hiện nay chưa chín, sẽ đến.

Nếu quý bạn nào muốn tìm hiểu thêm chi tiết về huyền bí học xin đọc:

1- Thái Dương Hệ Của Chúng Ta. 2- Những Thế Của Con Người. 3- Quyền Năng Của Tư Tưởng. 4- Thần Nhãn. 5- Con Người Thác Rời Về Đâu? 6- Luân Hồi. 7- Nhân Quả. 8- Hy Sinh. 9- Con Đường Của Người Đệ Tử, v.v. . .

Tuy nhiên, muốn thấy diễn tiến của luật trời, phải bước vào đường đạo, trước nhất phải tập luyện cho có đầy đủ những đức tánh mà luật trời đã qui định cho mỗi cấp bậc.

Những quyển: Trước Thềm Thánh Điện, Con Đường Của Người Đệ Tử, Dưới Chân Thầy, Người Phụng Sự, sẽ giúp ích rất nhiều cho các bạn nào muốn tự mình kinh nghiệm, quan sát trực tiếp, thay vì học gián tiếp những lý thuyết suông như hiện nay chỉ hiểu bằng trí óc, có những khuyết điểm nhiều hay ít tùy theo sự hiểu biết của mỗi người.

Chúng tôi tin rằng quý bạn nào luyện tập theo phương pháp Đô Ga (Yoga) hoặc đã tập tự chủ, đều xác nhận những lời chúng tôi nói đúng với chân lý.

TRI THIÊN và BẠCH LIÊN

# CHƯƠNG 1

## THÔNG THIÊN HỌC LÀ GÌ ?

Ngày nay nhiều người thường nói đến danh từ Thông Thiên Học (Théosophic) và đã trở thành người Thông Thiên Học mà họ không hay biết, như ông Jourdain làm văn xuôi (tản văn), tự mình không biết. Thông Thiên Học là minh triết thiêng liêng, là ánh sáng soi tỏ mỗi người khi họ sinh ra cõi trần. Nó không phải của riêng của một người nào, mà là của chung cho tất cả mọi người, không phân biệt ai và có khả năng thu thập, tức nhiên, có quyền sở hữu. Quyền sở hữu bắt buộc bốn phận phải chia sẻ. Cái gì là chân lý, là đẹp đẽ ở trong mỗi tôn giáo, triết học, khoa học, các ngành hoạt động đều lấy từ minh triết thiêng liêng, nhưng không môn phái nào được quyền cho rằng minh triết thiêng liêng vốn là của riêng của mình và chống lại với môn phái khác.

Thông Thiên Học không phải thuộc về Hội Thông Thiên Học, mà Hội Thông Thiên Học lại thuộc về Thông Thiên Học.

Tinh hoa Thông Thiên Học là gì? Con người vốn có bản tánh thiêng liêng, cho nên hiểu được đức Thượng Đế và đang chia sẻ sự sống của Ngài. Do chân lý tối cao này, người ta kết luận tất cả nhân loại đều là anh em. Sự sống thiêng liêng là chơn linh trong mọi vật, hiện hữu từ nguyên tử cho đến vị đại thiên thần, hột bụi kia cũng

chẳng hiện ra được nếu không có đức Thượng Đế trong đó. Vị Thiên Sứ tối cao cũng là một điểm linh quang bất diệt của đức Thượng Đế. Tất cả nhân vật cùng nhau chia sẻ sự sống duy nhất này, cố nhiên tạo thành một khối tình huynh đệ. Đức Thượng Đế vẫn nội tại.<sup>1</sup> Con người vốn liên kết với nhau, đó là những chân lý căn bản của Thông Thiên Học.

Những giáo lý phụ thuộc của nó là những giáo lý chung của các nhà tôn giáo xưa và nay như: 1- Đức Thượng Đế là Đấng độc nhất. 2- Ba ngôi của Ngài. 3- Chọn Linh nhập vào vật chất. 4- Các đẳng cấp Thiên Sứ, mà nhân loại là một ở trong đó. 5- Sự tiến triển nhân loại nhờ sự mở mang ý thức (tâm thức) và sự tiến hoá các thể (sự luân hồi). 6- Sự tiến bộ này tuân theo một luật bất khả vi phạm: ấy là luật nhân quả hay là cạt-ma (karma). 7- Môi trường để giúp đỡ cho con người tiến triển là ba cõi: cõi hạ giới, trung giới, thượng giới hay là: quả địa cầu, cõi dục giới và thiên đàng. 8- Sự hiện hữu của các vị Thánh Sư và các vị siêu nhân.

Tất cả các tôn giáo đều đang dạy hay đã dạy những điều này; mặc dầu thỉnh thoảng một vài giáo lý bị che lấp, nhưng luôn luôn nó cũng hiện ra lại. Bởi vậy cho nên học thuyết luân hồi mà Cơ Đốc giáo đã bỏ mất, nay lại xuất hiện. Nói một cách tổng quát sứ mạng của Hội Thông Thiên Học là truyền bá những chân lý đó khắp mọi nơi,

---

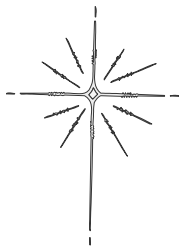
<sup>1</sup> Ngài ở trong vạn vật, khắp mọi nơi và mọi thời kỳ.



mặc dầu không một hội viên nào riêng mình bị bắt buộc phải công nhận một chân lý nào cả. Thật thế mỗi hội viên vẫn có quyền tự do học hỏi theo ý muốn của mình, công nhận hay bác bỏ chân lý nào cũng được, nhưng lấy tư cách tập đoàn mà nói, nếu Hội Thông Thiên Học không công nhận hay không truyền bá những chân lý đó thì Hội Thông Thiên Học không còn lý do tồn tại.

Những giáo lý căn bản của các tôn giáo trên hoàn cầu đều nhứt trí là do những vị Giáo Chủ, nhân viên của Quần Tiên Hội lập ra, các Ngài có phận sự bảo tồn minh triết thiêng liêng, tức là Thông Thiên Học. Thỉnh thoảng có vài vị trong Quần Tiên Hội xuất hiện và lập ra những tôn giáo mới, các Ngài đem những chân lý đó trình bày dưới một hình thức hợp với tình thế của thời đại, cân xứng với trình độ trí thức và đặc tính của dân chúng, đúng theo những nhu cầu và phương châm của họ. Những điều chánh yếu vẫn giữ nguyên, chỉ có những gì không quan trọng mới thay đổi. Về đại cương, người ta thấy những dấu hiệu tượng trưng trong tất cả các tín ngưỡng đều giống nhau, vì những dấu hiệu tượng trưng này làm ra lời nói chung của các tôn giáo. Những dấu hiệu đó là: vòng tròn, hình tam giác, thập tự giá, con mắt, mặt trời, ngôi sao và nhiều cái khác nữa. Hiểu được như thế sẽ thấy Hội Thông Thiên Học phụng sự mỗi tôn giáo trong địa hạt riêng biệt của nó và qui tụ tất cả vào tình huynh đệ. Về phương diện luân lý, giáo lý Thông Thiên Học căn cứ trên sự “đồng nhứt” vì thấy trong mỗi hình thế sự biểu lộ một sự sống chung, nên khi có một sự sai lầm nào làm hại một phần tử thì nó cũng

làm hại cho tất cả toàn thể. Làm quấy tức là đầu độc nhân loại, ấy là phạm tội trọng với “đồng nhứt.” Thông Thiên Học không có luật lệ về luân lý, chính nó tiêu biểu cho nền luân lý cao quý nhất, nó hiến cho học giả những bài học luân lý cao hơn hết trong các tôn giáo. Nó thu nhặt những hoa thơm ngào ngạt nhất trong vườn tín ngưỡng trần gian. Hội Thông Thiên Học không lập một luật lệ nào để bắt buộc ai theo, vì bộ luật ban hành cho đại chúng phải căn cứ vào trình độ thấp kém bậc trung hiện thời. Còn Hội Thông Thiên Học cố gắng nâng cao hội viên lên khỏi mức tầm thường bằng cách hiến cho họ những lý tưởng cao siêu và truyền cho họ những nguyện vọng cao cả. Hội tuân theo tinh thần luật lệ của đức Phật và đấng Christ. Hội kiếm cách đưa ra luật ở nội tâm chớ không bắt buộc phải tuân theo luật ở bên ngoài. Phương pháp của hội đối với những hội viên kém tiến hoá nhất, không phải là trục xuất họ mà là cảm hoá, cải thiện. Dem đạo lý thiên nhiên kết hợp vào một cơ quan, lập ra một trung tâm, do đó sinh lực của cơ quan này có thể phân phát ra, như thế, một sợi dây mới mẻ và chắc chắn đã tạo thành giữa hai cõi: cõi tinh thần và cõi vật chất. Sự thật, ấy là một “thánh lễ,” một dấu chứng hữu hình của một sự ban ân huệ tinh thần bên trong, một bằng chứng về sự sống của đức Thượng Đế trong con người.



## CHƯƠNG 2

### THÁI DƯƠNG HỆ

Thái dương hệ là một nhóm hành tinh xoay chung quanh một mặt trời, lấy mặt trời đó làm trung tâm và thu hút ánh sáng, sự sống và khí lực của mặt trời đó. Về điều này là người Thông Thiên Học, hay không phải Thông Thiên Học, đều đồng ý như thế. Nhưng riêng người Thông Thiên Học còn thấy nhiều hơn các điều ấy nữa trong thái dương hệ. Đối với họ, đó là một trường tiến hoá bao la, bát ngát do một vị Chúa Tể điều khiển. Ngài sinh ra chất dĩ thái của vũ trụ hay là chất nguồn khí, Ngài đem sự sống của Ngài thấm nhuần nó và lấy nó làm ra thể xác của Ngài. Rồi từ tâm của Ngài là ngôi mặt trời, Ngài cho tuôn ra một nguồn khí lực lưu thông khắp cả hệ thống cũng như máu huyết. Máu huyết này sẽ trở về tim, sau khi các chất bổ dưỡng đã cạn, để thu nạp các chất bổ dưỡng mới khác, rồi khởi sự lưu thông như trước, để bảo tồn sinh mạng của muôn loài vạn vật. Vậy đối với người Thông Thiên Học, thái dương hệ không những là một guồng máy tinh xảo làm bằng vật chất, mà nó còn biểu hiện của một nguồn sống nuôi dưỡng không biết bao nhiêu sinh mạng do nó tạo ra, thấm nhuần vào tất cả những phần tử của nó (tức là các loài vật) đang hoạt động, ham muốn, thông minh hay ngu muội.

Thái dương hệ này sinh ra để những điếm linh quang của Thượng Đế mới phôi thai, chia sót bản tánh thiêng

liêng của Ngài, có thể phát triển theo kiểu mẫu của Đấng cha lành đã định sẵn cho họ. Bầu hành tinh chứa đựng chẳng những loài người mà còn các loài thấp hơn con người nữa.

Ở các cõi tinh vi hơn cõi trần, có những nhân vật tiến hoá hơn con người rất xa, cũng có những hạng còn thấp kém hơn con người; những nhân vật mà thân hình làm bằng một chất tinh tế hơn chất hồng trần, nên mắt phàm không thấy được, nhưng họ cũng hoạt động, cũng khôn ngoan; sau đó là những người đã bỏ xác phàm, họ cũng tư tưởng, dễ thương, làm việc vậy. Trong lúc còn sống ở cõi trần, người ta có thể tiếp xúc với những nhân vật trên mấy cõi đó. Sự giao tiếp này có thể có đầy đủ ý thức như các vị Giáo Chủ, các nhà tiên tri, các nhà thần bí học và các nhà có huệ nhãn của các tôn giáo đã chứng minh. Đấng chí tôn hiện ra trong hệ thống của Ngài dưới ba trạng thái hay là ba ngôi: Đấng sanh hoá, Đấng bảo tồn, và Đấng phục hưng; Cơ Đốc giáo gọi là: đấng Chúa Cha, đấng Chúa Con, và đấng Chúa Thánh Thần; Ấn Độ giáo gọi là: Brahman, Vishnou, và Shiva; nhà thần bí học Hê-bơ (Hébreu) Hy-Bà-Lai gọi là: Soc-ma (Chochmah), Bi-na (Binah) và Co-te (Kether); người Thông Thiên Học gọi: Ngôi thứ nhất, Ngôi thứ nhì, và Ngôi thứ ba, vì dùng theo danh từ xưa của người Hy Lạp là “Le Verbe” (Ngôi lời) để ám chỉ đấng Thượng Đế đã hiện ra.

Ngôi thứ ba biến đổi hỗn nguyên nhưt khí ra 7 thứ nguyên tử rồi phối hợp 7 thứ này lại để làm ra 7 chất khí căn bản ở khắp thái dương hệ. Mỗi chất đều luôn luôn

nặng hơn chất ở trên kế đó, và tương xứng với một trình độ ý thức (tâm thức) khác biệt. Mỗi thứ khí căn bản làm ra một cõi hay là một thế giới và trong thái dương hệ có 7 cõi. Cõi thứ nhất và cõi thứ nhì gọi là cõi tối đại niết bàn và đại niết bàn, hay là cõi a di và cõi anupadaka, tức là 2 cõi: tối đại thiêng liêng và đại thiêng liêng, chỗ đức Thượng Đế ngự. Cõi thứ nhì, cõi đại niết bàn là chỗ sinh ra Chơn Thần cũng gọi là quê hương của con người; cõi thứ ba là cõi niết bàn còn gọi là cõi của Atma (Plan Atmique) và cõi thứ tư là cõi bồ đề, còn gọi là cõi thiêng liêng. Lên tới đây người phàm tự biết mình vốn là thiêng liêng. Cõi thứ năm là cõi trí tuệ (cõi thượng giới). Cõi thứ sáu là cõi tình cảm (cõi dục giới hay là cõi trung giới). Cõi thứ bảy là cõi hạ giới hay là phàm trần. Chất khí ở mấy cõi thiêng liêng tương xứng với trình độ thiêng liêng của ý thức (tâm thức). Nó tinh vi và dễ uốn nắn ra hình dạng cho đến đổi một chút kích thích của tinh thần cũng đủ thay đổi hình dạng nó và có ý nghĩa sự chia rẽ đã tiêu mất trong sự hiệp nhất. Chất khí của cõi trí tuệ tương xứng với trình độ trí thức, gồm có tư tưởng và sự hiểu biết, và mỗi sự biến đổi trong tư tưởng đều kèm theo sự rung động trong chất đó.<sup>2</sup>

---

<sup>2</sup> Ông W.K. Clifford ngày nay đã từ trần, dường như hiểu biết chất khí trí tuệ là một trong những chất làm ra vũ trụ. Ông nói nếu cho rằng mỗi lực đòi hỏi một vận cụ để biểu hiện thì tư tưởng được xem như một lực cũng cần phải dùng một chất khí đặc biệt để hoạt động. Xin xem quyển “Đời sống huyền bí của con người.”

Chất khí làm ra cõi dục giới hay trung giới tương xứng với trình độ ham muốn của ý thức. Mỗi sự thay đổi trong sự cảm động, tình dục, sự ham muốn và cảm giác đều kèm theo sự rung động trong chất đó.

Chất khí làm cõi hồng trần thô kịch hơn và đặc hơn, ấy là chất thứ nhứt cấu tạo để cho ý thức con người hoạt động.

7 chất này lẫn lộn với nhau, như chất đặc, chất lỏng, chất hơi và tinh khí hay dĩ thái hồng trần, lẫn lộn nhau trong những vật bao bọc chung quanh ta. Chúng phân phát không đồng đều trong khắp cả không gian của một thái dương hệ, mà tích tụ từng phần, làm ra những hành tinh, những thế giới hay tinh cầu.

3 chất khí tinh tế hơn hết (chất khí làm cõi tối đại niết bàn, đại niết bàn và niết bàn) lan tràn khắp nơi trong thái dương hệ, tức là chỗ nào cũng có chúng. Còn 4 chất khí dưới đặc hơn (chất khí làm cõi bồ đề, thượng giới, trung giới và hạ giới) cấu thành những tinh cầu và bao bọc chúng nó. Máy tinh cầu này không tiếp xúc, không thông đồng với nhau ở trên không gian.<sup>3</sup> Các thánh kinh đều có nói đến 7 vị Thiên Đế Cơ Đốc giáo và Hồi giáo có 7 vị đại Thiên Thần. Hoả Thần giáo (Đạo của Zoroastre) thì gọi 7 vị Amshaspends; đạo Hê Brơ (Hy Bà Lai) kêu là 7 vị

---

<sup>3</sup> Ở cõi bồ đề, những hành tinh của một hệ thống tiến hoá đều thông đồng với nhau.

Séphiroths; còn Thông Thiên Học gọi là 7 vị Hành Tinh Thượng Đế (7 Logos). Các Ngài là chúa tể của 7 hành tinh sau này: hoả tinh (vulcain), kim tinh (vénu), địa cầu (terre), mộc tinh (jupiter), thổ tinh (saturne), thiên vương tinh (uranus), và hải vương tinh (neptune).

Mỗi hành tinh là một khúc quanh của một dãy hành tinh, liên quan với nhau và dưới quyền coi sóc của một vị Hành Tinh Thượng Đế. Mỗi dãy là một trường tiến hoá riêng biệt, từ mới sơ khai cho đến khi con người sinh ra. Trong mỗi thái dương hệ có 7 trường tiến hoá phụ thuộc như thế, lẽ dĩ nhiên là phải ở vào những giai đoạn tiến triển khác nhau. Mỗi dãy gồm 7 bầu hành tinh mà thông thường trong đó có một bầu làm bằng chất hồng trần, còn 6 bầu kia làm bằng những chất tinh tế hơn. Trong dãy hành tinh của chúng ta có trái đất và 2 bầu khác là hoả tinh (mars) và thuỷ tinh (mercure) mắt phàm có thể thấy được, còn 4 bầu khác không thấy được. Làn sóng sinh tồn tiến bộ đưa nhân vật tiến lên và chỉ ở tại mỗi bầu một lần mà thôi (trừ ra vài ngoại lệ, kể ra đây không có ích). Khi nhân vật học hỏi xong những bài học ở bầu đó rồi, thì tiến qua bầu khác kế đó. Nhân loại chúng ta đã đi từ bầu thứ nhất tại cõi thượng giới, tới bầu thứ hai ở cõi trung giới, tới bầu thứ ba là hoả tinh rồi qua bầu thứ tư là địa cầu của chúng ta đang ở. Nhân loại sẽ bỏ bầu địa cầu để qua bầu thứ năm là thuỷ tinh, rồi lên bầu thứ sáu trở lại cõi trung giới, và chót hết là bầu thứ bảy ở cõi thượng giới. Giáp một vòng 7 bầu như vậy Thông Thiên Học gọi là một cuộc tuần hoàn tiến hoá.

Hệ thống tiến hoá này bao la, bát ngát, người chưa tiến hoá không thể hiểu nổi, mà hệ thống thiên văn học hiện kim cũng không thấu rõ, vì nó chỉ luận giải về cảnh hồng trần mà thôi. Hơn nữa chúng ta cũng không cần tất cả thiên hạ phải hiểu rõ điều này, vì nó không cần thiết liên cho đời sống. Sự hiểu biết này chỉ có ích cho người nào muốn hiểu rõ, nên đem hết tâm trí nghiên cứu những vấn đề sâu xa về vạn vật và không bao giờ lùi bước khi cần phải hết sức cố gắng để suy nghĩ.





## CHƯƠNG 3

### CON NGƯỜI VÀ NHỮNG THỂ GIỚI CỦA NÓ

**Con người là điểm linh quang của Thượng Đế, lấy xác phàm để thu thập những kinh nghiệm ở các cõi thấp hơn cõi đại niết bàn, hầu làm chủ và cai trị chúng nó, rồi muôn vạn thế kỷ sau sẽ được vào hàng các vị Thiên Đế để chỉ huy và sinh hoá vũ trụ.**

Luật đại đồng trong vũ trụ định rằng một ý thức (tâm thức) chỉ hiểu biết được cái gì mà nó có thể tạo dựng lại được; một ý thức này hiểu biết được một ý thức khác khi nào nó tự tạo lại được những sự biến chuyển đã xảy ra trong ý thức khác đó. Người kia đau đớn vì sự khổ cực của người khác, nếu y sung sướng khi kẻ khác hưởng hạnh phúc, nếu y cảm thấy lo âu hay tin cậy, v.v... với người đồng thời, ý thức được cảm tình của người đó thì y mới thật hiểu người đó. Sự thiện cảm là điều kiện của sự hiểu biết, ý thức tác động trong những thể; mấy thể này do vật chất cấu thành. Ý thức (tâm thức)<sup>4</sup> ảnh hưởng tới ý thức được, nhưng làm thế nào ý thức ảnh hưởng đến các thể bây giờ?

Do đó có một định luật khác: khi có sự thay đổi trong ý thức thì lập tức có sự rung động sinh ra trong chất khí ở kế bên và mỗi sự thay đổi nào cũng đều có sự rung động

---

<sup>4</sup> Xin nhớ: ý thức hay tâm thức cũng đồng nghĩa.

riêng của nó ứng đáp lại: cũng như một tiếng đàn luôn luôn tương ứng với sợi dây đàn, dài hay ngắn, to hay nhỏ cũng vậy, cả hai đều ăn khớp với nhau.

Trong thái dương hệ, tất cả những ý thức riêng biệt đều là những phần tử ý thức thiêng liêng của đức Thượng Đế, chủ thể hệ thống, và tất cả chất khí của hệ thống làm ra thân thể Ngài. Ngài tạo thành chất này và cho nó liên lạc với Ngài, thế nên khắp nơi, nó ứng đáp lại với không biết bao nhiêu sự thay đổi trong ý thức của Ngài, bằng những cách rung động khác nhau, và những cái này thì tương xứng với những cái kia. Khắp nơi trong bờ cõi rộng lớn bao la của Ngài, ý thức của Ngài và vật chất của Ngài đều ứng đáp lẫn nhau với sự điều hoà hoàn toàn và bất diệt, cùng với sự liên quan bất khả xâm phạm.

Con người chia sẻ sự liên quan này với đức Thượng Đế, nhưng chỉ với một cách yếu ớt và sơ lược. Khi ý thức con người thay đổi thì các chất ở chung quanh con người rung động để ứng đáp lại, nhưng sự ứng đáp này chỉ được hoàn toàn và đầy đủ lúc ban sơ, chỉ ở tại cõi đại niết bàn mà thôi, nơi đó đức Thượng Đế, đã sáng tạo con người. Tại cõi ấy, mỗi sự rung động của vật chất đều sinh ra một sự thay đổi trong ý thức con người, thế nên con người biết được cõi đó, là chỗ nó sinh ra và gia đình nó. Nhưng ở mấy cõi dưới, chất khí dày đặc hơn cõi đại thiêng liêng này, nên con người chỉ là một vị khách lạ, những sự rung động của chất nặng nề này, mặc dầu bao bọc con người khắp nơi, nhưng không cảm con người được; đối với con người, những sự rung động này cũng như không có,

không khác nào những làn sóng vô tuyến điện truyền tin đi mà không cảm chúng ta được. Đối với giác quan ta những làn sóng đó không có thật. Theo những điều kiện này con người phải làm sao khôn lớn, hầu giống như cha mình là đấng Chí Tôn. Đối với Ngài mỗi sự rung động đều đem lại một tin tức. Ngài có thể sinh ra bất cứ sự rung động nào trong vật chất bằng cách thay đổi ý thức của Ngài. Trong thái dương hệ không có chỗ nào mà không có Ngài hoạt động, không có một việc nào xảy ra, bất kỳ ở đâu, mà Ngài không hay biết (tức là Thượng Đế vô sở bất tại và toàn tri toàn năng). Về câu hỏi trên đây ta có thể trả lời bằng hai tiếng: nhập thể hay nội bao, và tiến hoá hay phản bốn hườn nguyên.

Nhập thể hay nội bao (involution) nghĩa là lấy một lớp bao mình làm bằng chất khí của những cõi: niết bàn, bồ đề, thượng giới, trung giới và hạ giới hay phàm trần. Nội bao cũng gọi là Chơn Thần nhập vô vật chất hay là “con người bị rút xuống.” Khi bao mình xong rồi, con người phải lần hồi tìm hiểu những sự xảy ra trong người mình, trong tâm mình, những sự thay đổi rất kinh ngạc, hãi hùng; chúng nó hiện đến vang dậy lên rồi biến mất, ngoài ý muốn của con người. Chúng nó là những rung động gây ra trong thể xác do những rung động của cõi đời rộng lớn bao la đang bao bọc con người. Chúng nó bắt buộc con người phải thay đổi những trạng thái tâm thức mà không bao giờ con người muốn tìm kiếm chút nào. Con người phải phân tích chúng nó, qui chúng nó về nguồn gốc và nhờ chúng nó giúp cho con người hiểu biết những cõi ở

chung quanh với tất cả các chi tiết. Con người tổ chức máy thể của mình lại thành ra những nhân viên thụ cảm và biết phân biệt càng ngày càng phức tạp để tùy ý mình thu nhận những rung động nào hạp và thải ra ngoài những rung động nào chống chối với nhau. Sau rốt con người nhờ những rung động làm trung gian đem những sự thay đổi trong tâm mình ghi dấu vết vào vật chất ở ngoại cảnh. Như thế con người sẽ thành chủ nhân của tạo vật, chớ không làm nô lệ nữa.

Đó là sự tiến hoá, đó là Chơn Thần vượt lên trên vật chất, sự phát triển của nó trong lớp vỏ làm bằng chất khí của những cõi chung quanh. Chơn Thần đem sự sống của mình thấm nhuần chất khí đã thu thập, biến đổi nó thành đưa tới ngoan ngoãn biết phục tùng tinh thần. Như thế, Chơn Thần đem nó ra khỏi vai tuồng thô kịch để nó phụng sự mấy đứa con của đức Thượng Đế đã được giải thoát.

Cái vỏ vật chất này làm bằng chất khí của những cõi khác nhau, phải được tổ chức lần lần để thành một thể hay là vận cụ của ý thức do những ảnh hưởng ở ngoài và sự ứng đáp của nội tâm. Nó được xếp đặt theo cách, từ thấp lên cao hay từ chất đặc đến chất tinh tế; những vật liệu lấy ở mỗi cõi phải tổ chức riêng biệt để cho vật liệu ở cõi nào thì thu nhận những sự truyền đạt của cõi đó và mặt khác thì ảnh hưởng đến cõi đó. Trước hết, những chất khí ở cõi trần tập trung lại làm một khối đủ sức cứng rắn; kể đó những cơ quan cần thiết cho sự sống. Cũng thế những cơ quan của các giác quan đều lần lần phát triển. Xác thịt kỳ diệu và phức tạp này tiến hoá như thế đã cả chục triệu

năm rồi và bây giờ vẫn còn tiếp tục tiến hoá. Nó làm cho con người tiếp xúc với cõi trần, nó giúp cho con người thấy, nghe, đụng chạm, nếm, ngửi được. Con người sinh ra những biến đổi ở cõi trần bằng cách dùng trí óc và những dây thần kinh, điều khiển, kèm chế những bắp thịt, tay và chân. Thê xác này chưa được hoàn toàn, vì trong cõi trần bao bọc nó, còn nhiều chuyện mà nó chưa ứng đáp được như: những hình dạng nguyên tử nó không thấy được; những tiếng nó không nghe được; những lực nó không biết được, khi nó chưa khai triển những khối lớn vật chất, để thấy những hiệu quả sinh ra. Nó chế ra những dụng cụ tinh xảo để trợ giúp những giác quan và tăng gia phạm vi tri giác, như những kính viễn vọng, kính hiển vi để giúp con mắt, máy vi âm để giúp lỗ tai; điện kế để tìm những lực ngoài sức nhận thức của giác quan. Nhưng sau này, sự tiến hoá của xác thịt sẽ đem hết cõi trần về địa hạt của nó.

Thê xác ngày nay được tổ chức đến bậc khá cao; chất khí kể đó tinh tế hơn, gọi là chất thanh khí, đến lượt nó tiến hoá cũng như chất hồng trần; nó dắt con người lần lần tiếp xúc với cõi trung giới, tức là cõi của tình cảm, tình dục và ham muốn, cũng đang bao bọc con người. Nhiều người thuộc về những giống dân đã tiến hoá, bắt đầu thấy mình có liên lạc chút ít với cõi trung giới; có người lại phân biệt được cõi ấy một cách rành rẽ hơn. Linh cảm nghi ngờ có việc gì xảy ra (trong lòng phập phồng), lời cảnh cáo (sự báo cho biết trước việc sẽ đến), giao thiệp với người chết, báo mộng, v.v... đều do ở cõi trung giới đưa lại và cảm đến cái

vía. Thường thường chúng nó mơ hồ và hỗn độn, vì tới ngày nay sự cấu tạo cái vía vẫn còn quá khuyết điểm. Nhưng người nào đã luyện tập cái vía cho nó tiến hoá cao, thì có thể sử dụng cõi trung giới cũng như chúng ta đều sử dụng cõi trần.

Trạng thái thứ ba của vật chất là cái trí, hiện còn trong thời kỳ tổ chức, nó làm cho con người tiếp xúc với cõi trí tuệ cũng đang bao bọc nó. Lần lần cái trí tiến hoá, con người thu nhận được những làn sóng tư tưởng và hiểu biết chúng nó; con người cũng giao thiệp được với kẻ khác bằng cái trí, mặc dầu mấy người đó ở gần hay xa, còn sống hay thác rồi.

Sau đó con người còn phải chiến thắng 2 cõi thiêng liêng: cõi bồ đề và niết bàn. Hai cõi này cũng có 2 thể thích hợp là kim thân và tiên thể. Thánh Phao-Lô (St. Paul) gọi là hai thể thiêng liêng. Sự tổ chức vật chất để cho chúng nó thành ra tôi tớ của Chơn Linh, là nhiệm vụ chỉ định con người trong cái xưởng vĩ đại của vũ trụ và khi giai đoạn làm người kết liễu thì trong thái dương hệ không còn điều gì mà con người không hiểu biết và không cảm hoá được. Chơn Linh vốn dòng dõi của đức Thượng Đế, rất trong sạch, nhưng ngoại trừ cõi huyền diệu đại niết bàn, nơi nó sinh ra, nó còn vô minh và vô ích. Nó sẽ trở về quê nhà sau một thời gian hành hương rất lâu dài; nó là con của đức Thượng Đế, toàn năng toàn thiện, sẵn sàng lãnh nhiệm vụ của một Thiên Sứ để thi hành ý chí của đức Thượng Đế, từ thời đại này qua thời đại khác, trong một trường hoạt động càng ngày càng rộng, phạm sự càng ngày càng lớn.

## CHƯƠNG 4

### CON NGƯỜI VÀ NHỮNG THỂ HƯ HOẠI

Có ba thể giới mà con người luân chuyển trong vòng sinh tử để tiến hoá là: hạ giới (cõi trần), trung giới (dục giới) và thượng giới (thiên đàng). Con người sinh hoạt tại 3 cõi này từ khi mới chào đời cho đến lúc bỏ xác, và lúc thức dậy. Con người sinh hoạt tại cõi trung giới trong lúc ngủ, một thời gian sau khi chết. Đôi khi, con người vào cõi thượng giới trong lúc ngủ hay lúc đi thiếp (ngủ thật mê), nhưng điều này ít xảy ra. Chính tại cõi thượng giới hay thiên đàng con người trải qua một thời gian rất quan trọng, sau khi chết; thời gian ở tại cõi này càng lâu khi con người càng tiến hoá. Ba thể mà con người dùng để hoạt động trong 3 cõi này đều hư hoại. Chúng nó sẽ chết, vì có sinh thì phải có tử. Từ kiếp này sang kiếp khác, chúng nó càng ngày càng cải thiện và càng xứng đáng trở nên những dụng cụ để Chơn Thần dùng trong khi phát triển. Ba thể này đều là những thể làm bằng chất nặng nề, mô phỏng theo những thể thiêng liêng bất diệt, không dưới quyền của sự sinh và tử tại trần gian. Những thể thiêng liêng này là y phục của Chơn Thần ở mấy cõi cao, nơi đó Chơn Thần sống với tư cách là con người thiêng liêng, còn ở phàm trần Chơn Thần sống với tư cách là con người xác thịt (chương sau sẽ nói về những thể thiêng liêng này).

Như chúng ta đã thấy, 3 thể hư hoại là xác thân, vía và trí, chúng nó liên lạc với 3 cõi: hạ giới, trung giới và thượng giới.

## XÁC THÂN

Hiện giờ, xác thân là thể mở mang nhất trong những thể của con người; ấy là thể thân mật với ta hơn hết. Nó làm bằng chất đặc, chất lỏng, chất hơi và chất dĩ thái. Chất đặc, chất lỏng và chất hơi cấu tạo một cách hết sức tốt đẹp, làm ra những tế bào, những tổ chức, những cơ quan, giúp cho ý thức tiếp xúc với ngoại giới. Những cơ quan này có những chỗ bí yếu xoay tròn như bánh xe (luân xa), do đó thần lực từ cõi trên tuôn vào mình con người.

Sau khi con người thác, phần bằng chất dĩ thái tách riêng ra khỏi phần làm bằng 3 chất kia, nên người ta mới chia thể xác ra làm 2 phần: một là xác thịt, hai là cái phách. Xác thịt gồm những cơ quan để thụ lãnh và hoạt động; cái phách làm trung gian để đem sinh lực truyền qua xác thịt. Trong lúc còn sống, nếu cái phách lìa khỏi xác thịt, là điều nguy hiểm. Khi cái phách bị bắt buộc ra khỏi cái xác như lúc con người bị thuốc mê, thì nó đi thơ thân trong không khí, và có khi nó nhập vô những người mà cơ thể ở trong trạng thái dị thường gọi là đồng cốt. Mặc dầu cái phách là trung tâm của thần lực, khi nó lìa xác rồi, nó không có tri giác, nó đi phiêu bạt như đám mây, không mục tiêu, không có một chỗ nào để truyền thần lực còn tiềm tàng ở trong mình nó. Có khi các anh bàng môn lợi dụng nó để



làm trung tâm đặng hiện hình. Cái phách không rời xa xác thịt được; nếu không còn dính với xác thịt nữa thì xác thịt phải chết, vì không tiếp được sinh lực để giúp nó hoạt động. Sau khi con người từ trần, cái phách bay vờ vẩn gần một bên cái xác, có khi người ta thấy nó lảng vảng bên cạnh mồ mả nên gọi là ma.

Xác thịt dùng nó làm trung gian để con người tiếp xúc với cõi trần. Vì lý do đó có khi người ta gọi nó là “thể hoạt động,” ngoài ra, nó còn tiếp nhận được những rung động ở những cõi tinh vi (mấy cõi cao) và khi nó đủ sức gây lại được những sự rung động này trong chất hồng trần nhờ thần kinh hệ tổ chức, về việc ấy thì người ta nói: nó cảm giác “nó tư tưởng.” Cũng như khí trời, tuy ta không thấy được nhưng khi chuyển động mạnh, nó tạo ra những làn sóng gợn trên mặt nước đông đặc hơn nó, cũng như ánh sáng mặt trời, tuy không rờ được, nhưng làm cho những tế bào của võng mạc hoạt động (thành những hình gậy và hình nón), cũng thế, chất khí vô hình của mấy cõi cao, sinh ra những làn rung động tương xứng trong chất nặng nề của xác thịt và của cái phách. Lần lượt xác thịt tiến hoá, nghĩa là nó càng thu thập vô mình những chất hoá hợp tinh vi của ngoại giới, thì nó càng ứng đáp được với những làn sóng rung động càng ngày càng mau lẹ. Con người thành ra càng ngày càng thêm nhạy cảm. Sự tiến hoá của một giống dân, phần lớn, do nơi thần kinh hệ cảm xúc lẹ làng, càng ngày càng tiếp tục tăng gia, đối với ảnh hưởng ở ngoài. Tuy nhiên, muốn có sức khoẻ vững vàng thì sức cảm giác phải có chừng mực, nói cách khác, sau khi

chuyển động rồi, bộ thần kinh phải trở lại trạng thái bình thường ngay sau đó; khi thực hiện được điều này thì sự cảm giác phát triển đến mức cao nhất của lượn sóng tiến hoá và ta có thể phát hiện được thiên tài. Trái lại, nếu sự quân bình không được phục hồi, tự nhiên và lệ làng, thì có cảm giác mắc bệnh và trở nên nguy hiểm, nó đưa đến sự suy đồi và cuối cùng là điên khùng, nếu không có chi ngăn cản lại.

## CÁI VÍA

Sự phát triển của thể này vô cùng khác nhau, tùy theo trình độ tiến hoá của mỗi người; sự kinh nghiệm điều vui vẻ hoặc đau khổ đều do thể vía sinh ra. Nó hành động vì dục tình, sự ham muốn và cảm giác sai khiến. Những trung tâm điểm của ngũ quan đều ở trong thể vía. Khi tình dục, sự ham muốn, và cảm giác thấp hèn vì theo nhục dục và thú tánh, chất thanh khí làm thể vía trở thành thô kịch, cho nên những rung động của nó phải chậm chạp, những màu của nó (nâu, đỏ và xanh đậm) tối sẫm và không đẹp mắt chút nào; thỉnh thoảng có những tia chớp màu đỏ hồng chiếu sáng. Màu đỏ nâu chỉ về sự thích nhục dục, tham lam và khát vọng. Màu xám xanh (xanh lá cây và xám dợt) chỉ về sự xảo quyết mưu mô hay là lòng gạt. Màu nâu chỉ về tánh ích kỷ. Màu đỏ hồng bên trái cái đầu chỉ sự giận hờn. Màu vàng chung quanh đầu chỉ về trí khôn. Màu xanh dương pha lẫn màu xám dợt ở đỉnh đầu là dấu hiệu lòng mộ đạo nhưng tánh còn chất phác (như sùng bái những hình tượng), theo những dân tộc còn dã

man như thờ cục đá, gốc cây. Màu hường sậm là dấu hiệu bắt đầu có lòng yêu thương. Sự tiến hoá càng ngày càng lên cao, chất thanh khí làm ra thể vía càng ngày càng tinh tế, màu sắc càng ngày càng tươi, càng trong trẻo và rực rỡ.

Chúng ta dùng thể vía vào tất cả những giờ ta thức; còn thể vía của những người trí thức, tánh tình nhã nhặn, đã tiến đến mức khá cao; chất khí mịn màng hơn hết của nó tiếp xúc chặt chẽ với chất nặng hơn hết của cái trí. Hai thể này (thể trí và thể vía) luôn luôn hành động chung với nhau, thể này ảnh hưởng thể kia.

Thường thì thể vía thay đổi màu sắc, mỗi khi tánh tình thay đổi. Khi tánh ích kỷ, quý quyết, phân nộ đã tiêu tan, người ta thấy màu đỏ sậm tăng lên to tát, tương ứng với sự thương yêu. Thật vậy, người ta nhận thấy có nhiều sự thay đổi xấu xa, nhưng như thể là những cửa vàng đã hé mở cho người đang học tập kinh nghiệm, nếu chúng nó đóng lại thì ấy là lỗi của đương sự.

Đây là những kết quả rùng rợn hiện ra trên thể vía do một cơn giận dữ. Toàn thể thể vía lộ ra những quầng đen ghê gớm và từ đó phóng ra những mũi tên đỏ như lửa, tìm thể đi ngay đến người mình giận; nói một cách tổng quát, ấy là một cảnh tượng dữ dội phi thường và thật là khủng khiếp.<sup>5</sup>

---

<sup>5</sup> Trong thể vía của người tiến hoá thì màu lục chỉ về tánh thiện cảm và thích nghi. Màu hường là có lòng từ ái. Màu xanh là

Trong lúc chúng ta ngủ, thể vía thoát ra khỏi xác thịt, đi chung với thể trí và những thể cao hơn. Đối với những người trí thức thì tâm thức hoạt động trong thể vía, lúc xác thịt ngủ yên. Như thế trong giấc ngủ, chúng ta học rất nhiều, và những điều học hỏi theo cách đó, thâm nhiễm lần lần vào óc xác thịt và có khi ghi vào óc bằng những điềm chiêm bao rõ ràng và sáng suốt. Thường thường tâm thức ít quan tâm đến những việc xảy ra ở cõi trung giới, nó say sưa với những tình cảm và những tư tưởng riêng biệt của nó, nhưng có thể quay tâm thức này ra ngoài và nhờ vậy, ta hiểu biết được cõi trung giới. Tại đây ta giao thiệp được với các bạn của ta đã bỏ xác phàm và lúc thức dậy ta cũng còn nhớ lại đủ mọi việc, như thế ta lập được cái hồ chia rẽ người sống và kẻ chết.

Những cảm giác riêng như báo trước việc sẽ xảy đến cho mình (như máy mắt, nhạy mũi),<sup>6</sup> nghi ngờ trong lòng có việc gì xảy ra, cảm biết có người khuất mặt ở bên cạnh và nhiều kinh nghiệm khác cùng một loại, là sự hoạt động của thể vía và những phản ứng của nó vào xác thịt.

Mấy việc này càng ngày càng gia tăng, đó là kết quả sự tiến hoá của thể vía trong các người trí thức. Vài thời đại nữa, thể vía sẽ mở mang khắp đại chúng và nó sẽ thân mật

---

lòng mến đạo. Màu vàng là dấu hiệu khôn ngoan. Màu tím ở trên đầu chứng tỏ trạng thái mở mang về phần tinh thần.

<sup>6</sup> Không phải nhạy mũi nào cũng là linh giác cả. Còn máy mắt là một cái điềm tốt hay xấu, tùy theo con mắt và tùy theo người.

với ta như xác thịt. Sau khi ta thác, ta sẽ sống một thời gian tại cõi trung giới, cũng trong thể vía của chúng ta dùng khi còn tại trần. Thế nên, nếu chúng ta càng tập kiểm soát thể vía và tập dùng nó một cách khôn ngoan chừng nào thì việc đó càng hữu ích cho ta chừng nấy, sau khi ta bỏ xác.

## CÁI TRÍ

Thế trí làm bằng chất tinh vi hơn chất của thể vía, cũng như chất của thể vía tinh vi hơn chất làm ra xác thịt. Đặc tính của nó là rung động để đáp ứng với những sự thay đổi trong tư tưởng. Khi có sự thay đổi nào trong tư tưởng cũng đều sinh ra một sự rung động trong thế trí, và sự rung động này nhờ thể vía truyền qua xác thịt, làm cho thần kinh của cái óc hoạt động. Sự hoạt động những tế bào của thần kinh sinh ra nhiều hiệu quả điện khí và hoá học, nhưng đó là sự hoạt động của tư tưởng sinh ra những hiệu quả ấy, chứ không phải những hiệu quả ấy sinh ra tư tưởng như các nhà duy vật của thế kỷ thứ 19 đã tưởng tượng ra.

Thế trí cũng như thể vía, tùy theo mỗi người mà khác nhau rất xa. Nó cấu tạo bằng chất thô kịch hay tinh vi, nhiều hay ít, tùy theo nhu cầu của những ý thức đã dùng nó mở mang nhiều hay ít. Thế trí của những người trí thức thì lạnh lẽo và có hình dạng đều đặn, còn đối với những người chưa mở mang thì nó như đám mây mù, và không cảm giác. Chất khí làm thế trí lấy ở cõi thượng giới, (thiên

đàng). Nó chuyển động luôn luôn, vì con người tư tưởng không những lúc còn thức, mà ngay trong lúc ngủ, sau khi con người bỏ xác cũng tư tưởng như vậy. Con người sống trọn vẹn trong tình cảm và tư tưởng, khi nó bỏ thể vía để lên cõi thiên đàng. Biết rằng chúng ta phải trải qua nhiều thế kỷ trong thế trí, điều hợp lý là phải rán hết sức mình để cải thiện nó, khi còn sống ở cõi trần. Những phương pháp dùng để đạt được mục đích đó là: học tập, tư tưởng, cảm giác đẹp để liên tục những ước vọng (cầu nguyện), cố gắng làm lành và điều cần thiết hơn hết là tham thiền sốt sắng luôn luôn không gián đoạn. Những sự thực hành khác nhau này giúp cho cái trí tiến hoá rất mau và kiếp sống trên thiên đàng được phong phú. Các loại tư tưởng xấu làm hoen ố và hư hại cái trí, nếu con người nhất quyết nuôi chúng nó mãi thì cái trí mắc bệnh và hư tổn, trọn kiếp sống của nó không thể chữa được.

Xác thân, vía, trí là 3 thể hư hoại của con người. Con người bỏ xác thịt sau khi chết, rồi đến bỏ thể vía khi con người sắp sửa lên cõi thiên đàng. Khi mãn kỳ ở cõi thiên đàng thì thể trí cũng tan rã; bây giờ con người là Chơn Thần ở trong những thể bất diệt. Khi trở xuống đầu thai, con người có một thể trí, vía mới; 2 thể này phù hợp với tánh tình con người, và liên kết chặt chẽ với xác thịt.

Con người bước vào giai đoạn luân hồi sinh tử mới khác.

## CHƯƠNG 5

### NHỮNG THỂ BẤT DIỆT HAY LÀ TRƯỜNG SANH BẤT TỬ CỦA CON NGƯỜI

Thánh Phao Lồ (Saint Paul), một vị được điễm đạo của Cơ Đốc giáo có nói: “Chúng ta có một chỗ trú ngụ, vốn của đức Thượng Đế, một cái nhà không phải tự tay chúng ta cất, một chỗ ở đời đời kiếp kiếp trên trời, vì trong xác thân này chúng ta rên siết thở than, chúng ta muốn về thiên đàng.” (Corinthiens, V, 1-2).

Cái nhà của chúng ta ở trên trời là cái nhà do những thể bất diệt của con người tạo ra, ấy là chỗ trú ngụ của Chơn Thần trải qua thời gian vô tận, nó cũng là chỗ ở của con người, trải qua vô lượng kiếp luân hồi trong lúc Chơn Thần hiện ra giữa chốn trần ai.

Chơn Thần, “dòng giống của đức Thượng Đế” (Công vụ của các Sứ Đồ XVII, 29) ở luôn luôn trong lòng đức Cha trời, Chơn Thần thật là con của Ngài, chia sẻ sự sống vô cùng vô tận của Ngài. Đức Thượng Đế tạo con người để tượng trưng hình ảnh bất diệt của Ngài. (Đức minh triết của Salomon, II, 23).

Chơn Thần này, chúng ta gọi là Monade, bởi vì nó là một đơn vị, tinh hoa của bản ngã. Chơn Thần nhập vô vật chất để chinh phục nó và tinh thần hoá nó. Ngài lấy một nguyên tử của mỗi cõi, trong 3 cõi cao: niết bàn, bồ đề,

thượng giới để làm cái nhân của 3 thể cao là tiên thể, kim thân và thượng trí. Có một sợi dây làm bằng chất khí côi bồ đề nối liền 3 thể này với nguyên tử của 3 côi thấp để làm hạt giống của 3 thể: hạ trí, vía và xác thân.

Trải qua một thời gian dài đặng đặng, Chon Thần nuôi dưỡng 3 thể vị lai hư hoại: trí, vía, xác, với sự sống của Ngài. Chon Thần tiến lên lần lần, trải qua các giới: kim thạch, thảo mộc, và cầm thú, trong lúc đó chất khí của 3 côi cao: niết bàn, bồ đề, thượng giới kết hợp với nhau làm thành một vận hà để truyền sự sống của Ngài vừa phát triển ở mấy côi này.

Khi con thú tiến hoá đến trình độ cao tột bực (của loài thú) và gọi đến sự sống cao cả một cách mãnh liệt thì Chon Thần ứng đáp bằng cách đưa xuống một nguồn sống do vận hà trên đây để làm thượng trí của con thú. Thể trí của con thú thành linh được bổ túc cũng như ánh sáng bật chiếu lên giữa những cục than của một hồ quang (arc électrique). Con thú được đi đâu thai làm người, điều này cũng gọi là con người có cá thể ở mấy côi dưới.

## TIÊN THỂ

Tiên thể làm bằng 7 chất khí của côi niết bàn, ấy là hiện thân của Chon Linh, theo nghĩa thật đúng Chon Linh là đức Thượng Đế lấy xác phàm, tức là Thượng Đế giam mình trong biến cả vật chất, nhưng không hề mất bản tánh thiêng liêng, mặc dầu đã hoá thân. Kết quả thanh lọc của biết bao nhiêu kinh nghiệm, tàng trữ trong thời gian vô



tận, cứ tuần tự phải qua trong tiên thể; 2 thể bất hoại thấp hơn là kim thân và thượng trí lần lần hợp nhất với nó để làm một bộ y phục vẻ vang cho một người thiêng liêng đã trọn lành.

## KIM THÂN

Kim thân thuộc về cõi thứ tư hiện ra; cõi này là cõi bồ đề, nơi đây, sự hiểu biết và tình bác ái hiệp làm một. Người ta cũng gọi thể này là thể của đấng Christ, vì nó bắt đầu hoạt động khi được điểm đạo lần thứ nhất và cứ phát triển cho tới khi được toàn thiện như đấng Christ trên đường chí thánh. Thể này phát triển là nhờ tất cả những nguyện vọng yêu thương cao thượng, không vụ lợi, lòng từ bi thuần khiết, tình thân ái và tánh thương xót muôn loài vạn vật nuôi dưỡng nó.

## THƯỢNG TRÍ

Thượng trí còn gọi là nhân thể (corps causal), là một thể để cho con người đề cập đến những quan niệm trừu tượng, vì nó là “bản tánh của sự hiểu biết” (Prashna Upanishad IV, 9). Nhờ thượng trí mà con người hiểu biết chân lý bằng trực giác chứ không phải bằng lý luận, chỉ mượn ở hạ trí những phương pháp luận biện để chứng minh ở cõi dưới những chân lý trừu tượng mà thượng trí thông hiểu một cách trực tiếp.

Con người ở trong thể này gọi là Chơn Nhơn, khi thể này hoà hợp với kim thân thì Chơn Nhơn thành ra “Linh Giác Chơn Nhơn” (Ego Spirituel) và bắt đầu hiểu biết bản tánh thiêng liêng của mình. Thể này được bảo tồn và phát triển là nhờ tham thiên bền lâu, dứt tuyệt dục vọng và đem trí tuệ giúp đời.

Bản tánh nó là chia rẽ, vì nó là dụng cụ của sự thành lập cá thể, nó phải trở nên mạnh mẽ và tự túc hầu có sự bền vững cần thiết cho kim thân là thể thiêng liêng tinh vi, mà nó phải liên hiệp mật thiết.

Tiên thể, kim thân, thượng trí là những thể trường sinh bất tử của con người; chúng nó không bị mắc vào vòng sinh tử luân hồi. Chúng nó tạo ra sự nhớ mãi, một kỷ ức không gián đoạn, đó là tinh hoa của Chơn Nhơn. Chúng nó thiết lập một cái “khánh” (tabernacle) để chứa cái gì đáng được trường sinh bất tử. Cái chi làm hoen ố không thể vô đó được, chúng nó là chỗ trú ngụ đời đời của Chơn Thần. Tại đó ta thấy ứng nghiệm lời hứa hẹn này: “Ta sẽ ở đó và đi lại nơi đó.” (2 Corinhiens, VI, 16). Chúng nó đã nhận lời cầu nguyện của đấng Christ: “Cầu xin chúng nó cũng được hiệp nhất với chúng ta.” (St. Jean, XVII, 21).

Chúng nó chứng minh tiếng hoan hô đắc thắng của nhà tu hành Ấn Độ: “Ta là Người.”



## CHƯƠNG 6

### LUẬT LUÂN HỒI

#### LUÂN HỒI TRONG QUÁ KHỨ

Chắc chắn trên đời, không có một giáo lý triết học nào có một phổ hệ trí thức vẻ vang bằng thuyết luân hồi, nghĩa là sự phát triển tinh thần nhân loại trải qua những kiếp sống tuần hoàn, có định kỳ ở thế gian. Một ít kinh nghiệm thu thập trong khoảng thời gian sống ở cõi trần, biến đổi thành trí năng và ý thức, trong khi con người về cõi thiên đàng. Khi đưa nhỏ sinh ra, nó có sẵn những kinh nghiệm kiếp trước, biến chất thành những khuynh hướng và quyền năng trí thức và đạo đức. Ông Max Muller quan sát một cách đúng đắn khi ông nói rằng: “Các bậc đại trí trong nhân loại đều công nhận sự luân hồi. Những thiên anh hùng ca bên Ấn Độ đều có dạy về sự luân hồi và nói, ấy là một việc xác thật, không ai chối cãi được, để làm căn bản cho đạo đức, và văn nghệ huy hoàng của Ấn Độ, làm cho các nhà trí thức Âu Châu phải ngưỡng mộ đều thấm nhuần giáo lý của nó.”

Đức Phật đã dạy sự luân hồi và thường nói về những tiền kiếp của Ngài. Đức Pythagore cũng dạy như thế; Platon có bàn về sự luân hồi trong các sách triết lý của Ngài. Josèphe tuyên bố rằng những người Do Thái đều công nhận sự luân hồi và kể chuyện một vị tướng lãnh đã khuyến khích binh lính của ông rón chiến đấu cho đến hơi

thở cuối cùng bằng cách nhắc nhở cho họ nhớ rằng họ sẽ đầu thai lại cõi trần.

Trong quyển “Đức Minh Triết” của Salomon có nói: “Sinh ra trong thể xác không tật nguyên là phần thưởng của những người đã làm lành.” Đấng Christ công nhận sự luân hồi khi Ngài nói với các tín đồ: “Jean Baptiste là nhà tiên tri Elie trở lại.” Virgile và Ovide tin có sự luân hồi. Nghi thức do các nhà bác học Ai Cập bày ra, để cho người ta ghi nhớ trong đầu óc rằng có sự luân hồi. Những trường theo tân thuyết Platon đều nói rằng: sự luân hồi có thật; và một vị linh mục uyên bác nhất, là Origène giải bày rằng: “Người nào cũng phải lãnh một xác thân tùy theo những công trạng và những việc làm của mình hồi kiếp trước.”

Mặc dầu thuyết luân hồi bị một hội nghị Thiên Chúa giáo La Mã lên án và cấm chỉ, những phái bị liệt vào hạng tà giáo đều giữ nguyên thuyết cổ truyền. Vào thời trung cổ, một nhà bác học Hồi giáo có nói với chúng ta về thuyết luân hồi như vầy: “Tôi ở trong đá, khi tôi chết, tôi thành ra một loài cây; tôi ở trong cây, khi tôi chết, tôi thành ra một con thú; tôi ở trong con thú, khi tôi chết rồi thành ra con người. Tại sao tôi lại sợ chết? Chừng nào sự chết làm cho tôi kém sút? Tôi làm người, tôi sẽ chết và tôi sẽ làm một vị thiên thần.”

Sau đó ít lâu, ta lại thấy mấy vị sau đây cũng đem thuyết luân hồi ra dạy, đó là Goethe, Fichte, Schelling, Lessing. Chúng ta mới kể tên một vài nhà triết học Đức. Khi già rồi, ông Goethe vui vẻ nói trước rằng ông sẽ đầu

thai lại ở cõi trần. Ông Hume tuyên bố rằng thuyết luân hồi là giáo lý duy nhất về sự trường sinh bất tử mà một nhà triết học có thể suy nghĩ; ý kiến này tương tựa như quan niệm của giáo sư Tô-Cách-Lan (Eccossais) Mc Taggart là người đã phê bình các lý luận về sự trường sinh bất tử. Ông kết luận rằng: chỉ có thuyết luân hồi là hợp lý hơn hết. Chẳng cần phải nhắc rằng: có nhiều văn sĩ như Wordsworth, Browning, Rossetti và nhiều thi sĩ khác đều tin sự luân hồi.

Trở lại việc tin có luân hồi không phải là một tín ngưỡng của dân tộc dã man hiện lại trong dân tộc văn minh, nhưng đó là một sự giải thoát trí tưởng về sự lầm lạc của người theo đạo Gia Tô, một dấu chứng để tu bỏ các tai hại do sự bất hợp lý của tôn giáo gây nên và nó đã tạo ra “hoài nghi chủ nghĩa” và “duy vật chủ nghĩa.”

Quả quyết rằng khi mỗi xác thịt sinh ra thì phải sinh ra một linh hồn riêng cho nó, ám chỉ rằng: sự sinh hoá một linh hồn tùy thuộc sự sinh hoá một xác thịt. Thế thì không tránh khỏi kết luận rằng: khi xác thịt chết thì linh hồn cũng phải tiêu diệt theo. Chủ trương rằng một linh hồn không có dĩ vãng thì tự nhiên không hề có cứu cánh, cũng chẳng khác nào tượng tượng cây gậy chỉ có một đầu. Cái đó không thể thừa nhận được. Duy có linh hồn thiên nhiên mới có hy vọng bất diệt được.

Việc quên mất giáo lý về luân hồi dạy rằng có một chỗ luyện tội tạm thời để tiêu diệt những tình dục xấu xa, và một cõi thiên đàng hữu hạn để biến đổi những kinh

nghiệm ra quyền năng, làm cho người ta nảy sinh ra ý tưởng có một cõi thiên đàng vô biên mà không có một người nào tốt và có một địa ngục vô tận mà không có một người nào đáng là kẻ xấu. Điều ấy thu ngắn sự tiến hoá của con người vào khoảng đời sống vô ý nghĩa, nó làm cho tương lai vô tận vô biên phải tùy thuộc những biến cố trong vài năm. Như thế, đời sống thành ra một sự hỗn loạn không thể hiểu được, đây những sự bất công, đây những sự tư vị những bực thiên tài và những kẻ tội nhân toàn là những người không xứng đáng với tài của mình, hay là tội của mình.

Đây là vấn đề mà người biết suy nghĩ không hề tán thành bao giờ, trừ ra những ai có đức tin mù quáng và không có căn bản mới công nhận mà thôi.

## SỰ LUÂN HỒI RẤT CẦN THIẾT

Chỉ có ba giải thích về những sự bất bình đẳng của con người; những sự bất bình đẳng này do những năng lực, những thích nghi, hay là những cơ hội mà ra.

1- Sự sinh hoá đặc biệt của đức Thượng Đế, ám chỉ sự bất lực của con người; số mạng con người bị một ý chí độc đoán và vô lượng chỉ huy.

2- Sự di truyền (truyền thống) như khoa học đã giải thích, ám chỉ con người cũng bất lực; con người chỉ là kết quả của một dĩ vãng mà nó không thể kiểm soát được.

3- Sự luân hồi, ám chỉ con người có thể làm chủ vận mạng của mình. Con người là kết quả của quá khứ, của cá nhân mình, nghĩa là tự nó tạo ra.

Thuyết sáng tạo đặc biệt bị tất cả những người biết suy nghĩ bác bỏ, về sự giải thích những điều kiện bao bọc chúng ta chỉ trừ một điều kiện quan trọng hơn hết là tánh nết của đấng nhỏ và gia đình, nơi đấng nhỏ sinh ra. Sự tiến hoá được nhìn nhận trong mọi việc chỉ trừ đời sống của Chơn Linh, tức là con người. Con người không có một dĩ vãng cá nhân, mặc dầu nó có một tương lai cá nhân vô cùng vô tận.

Lúc mới sinh ra con người đã có sẵn tánh nết, và nó tùy thuộc tánh nết này hơn mấy việc khác; theo giả thuyết này thì số mạng của nó ở trên trần gian vốn của trời tạo riêng cho nó và bắt buộc nó phải tuân theo, chớ nó không chọn lựa chi được cả.

Sự sinh hoá không khác nào một cuộc xổ số, con người có thể bắt được một số tốt hay xấu; số xấu tức là duyên phần khổ sở, nó phải lãnh, nghĩa là phải sao chịu vậy. Nếu phần nó được bẫm tánh tốt, tài năng siêu việt và bản tánh cao thượng thì càng hay cho nó; nó không làm gì để xứng đáng được hưởng như thế. Nếu số phần nó bị tội gian ác, sự ngu xuẩn, bệnh hoạn, say sưa di truyền thì mặc kệ nó; nó không làm gì để đáng chịu quả ấy.

Nếu hạnh phúc đến luôn luôn cho kẻ này, còn những thống khổ lại đeo theo người kia mãi mãi thì kẻ xấu số này phải rán chịu sự rủi ro đó. Người thợ đồ gốm há chẳng

dùng được đất sét để làm cái gì mà nó muốn hay sao? Thật đáng buồn là cục đất sét biết cảm giác, phải không các bạn?

Thuyết sinh hoá đặc biệt còn kỳ dị về nhiều phương diện khác nữa. Thí dụ: Một linh hồn được sinh ra đặc biệt cho một thể xác và thể xác này chết sau khi lọt lòng mẹ được vài giờ. Nếu đời sống trên thế gian có chút ít giá trị về phương diện giáo dục hay thực nghiệm thì linh hồn này chịu thiệt thòi khi lìa xác sớm như vậy. Ngoài ra, nếu đời sống nhân loại ở trần thế chẳng có gì quan trọng và chắc chắn đầy đủ những sự sai lầm và đau khổ mà chung qui có thể bị sa vào địa ngục đời đời thì linh hồn nhập vô một thể xác sống lâu, bị bạc đãi gắt gao, bởi vì nó phải chịu không biết bao nhiêu sự đau đớn ê chề trong khoảng thời gian dài đằng đằng; nó sống ở cõi trần mà không có một lợi lộc nào bù đắp lại. Còn linh hồn bỏ xác sớm kia lại tránh được tất cả những sự hoạn nạn.

Bản kê khai những sự bất công về sự sinh hoá một linh hồn mới cho mỗi xác thịt có thể kéo dài vô cùng, vì nó bao trùm tất cả những sự bất đồng đẳng. Sự giải nghĩa sai lầm này tạo ra cả triệu kẻ vô thần, bởi vì đầu óc khôn ngoan không công nhận nó và trong lòng lại tức tối. Nó đặt con người vào tình trạng của một kẻ đứng trước chủ nợ vô cùng gắt gao khắc nghiệt không hề lay chuyển là đức Thượng Đế. Con người mới hỏi Ngài một cách thảm thiết: “Tại sao Ngài sinh tôi ra như thế này?”

Giả thuyết của khoa học không nhạo báng thần thánh hơn thuyết sinh hoá đặc biệt, những sự di truyền chỉ giải



nghĩa được về xác thịt chớ không rọi được ánh sáng nào về sự tiến hoá của trí thức và tâm thức. Lý luận của Đạt Nhĩ Văn (Darwin) bao hàm cả hai điều mới kể ra đây, nhưng thất bại một cách chua cay khi cần phải giải nghĩa làm sao những đức tính xã hội có thể phát triển được trong khi phải tranh đấu để sống. Và chẳng, khi đến thời kỳ mà cha mẹ đạt được những đức hạnh cao thượng thì thời kỳ sinh sản đã qua, trẻ nhỏ sinh ra phần nhiều lúc sinh lực của cha mẹ đang dồi dào, mà lúc ấy thì trí thức và đức tánh chưa đầy đủ. Mặt khác, những sự nghiệm xét từ lâu đã chứng minh: những tánh nết không hề di truyền và con người càng tiến lên cao thì con cái càng ngày càng ít.

Khoa học nói rằng: “Bực vĩ nhân, bực thiên tài thì tuyệt tự vô hậu.” Như thế là tiếng chuông cáo phó sự tiến hoá của nhân loại đã đánh lên, nếu quả thật, sự di truyền là quyền năng chủ động của sự văn minh tiến bộ.

Trí thức và năng lực sinh sản vẫn trái ngược nhau: cha mẹ càng thấp kém thì con cái càng nhiều. Khi chứng minh tánh nết không di truyền thì khoa học đã đụng vào một vách thành đồng. Nó không giải thích được những sự kiện về sự thông minh xuất chúng và đời sống thánh nhân. Con của một thánh nhân có thể là đứa chơi bời truy lạc, con của bực thiên tài có thể là một đứa đần độn. Tục rằng: “Kẻ thiên tài ở trên trời xuống.”

Về phương diện khoa học thì bực thiên tài làm vẻ vang cho nhân loại, dường như ở ngoài vòng “nhân và quả.” Khoa học không nói cho chúng ta biết, làm cách nào

mà đào tạo những bậc đại trí thức và những tâm hồn trong sạch cho tương lai. Nó không hăm dọa ta với một ý chí độc tài, nhưng nó không giải cho chúng ta nghe về vấn đề “bất đồng đẳng giữa nhân loại.” Nó nói rất đúng rằng: “Kẻ ghiền rượu di truyền cho con cái những xác thân làm mồi cho bệnh tật, nhưng nó không giải nghĩa tại sao mấy đứa nhỏ bất hạnh này lại lãnh di sản đau đớn ấy.”

Trái lại, luật luân hồi khôi phục sự công bình cho Thượng Đế và quyền năng cho con người. Mỗi linh hồn, khi mới nhập vào xác thịt là một cái mầm không hiểu biết, không ý thức, không phân biệt. Như đã giải nghĩa trước đây, nhờ kinh nghiệm êm đềm hay đau khổ, con người thu thập những vật liệu để tạo ra những quyền năng trí thức và đạo đức. Thế nên, tánh tình của con người khi mới sinh ra, là công nghiệp riêng của nó, đánh dấu trình độ của nó đã trải qua trong kiếp tiến hoá lâu dài. Tâm tánh tốt, tài năng lớn, bản tánh cao thượng, là chiến phẩm của những trận tranh đấu gay go; ấy là tiền công của một việc làm mệt nhọc và nặng nề. Trái lại, những tánh tình xấu xa, hèn hạ, chứng tỏ một trình độ tiến hoá còn thấp, một sự phát triển yếu ớt của mầm tinh thần.

Người đã man ngày nay sẽ là vị thánh nhân trong tương lai, tất cả đều đi chung một đường, tất cả đều phải đến mức “con người toàn thiện.” Sự đau khổ theo sau sự lầm lạc, nhưng luôn luôn có thể trị lành được. Sức mạnh phát triển nhờ sự tranh đấu. Sau mỗi lần ta gieo giống, ta đều gặt hái kết quả không thể tránh được; hạnh phúc căn cứ trong việc lành, còn đau khổ căn cứ trong việc ác.

Đứa bé mới sinh rồi thác, sau khi lọt lòng mẹ một ít lâu, là trả một mối nợ của nó đã vay trong quá khứ mà chưa thanh toán. Nó sẽ đầu thai lại rất mau để thu thập những kinh nghiệm cần thiết cho sự tiến triển của nó. Nó bị trễ trong một thời gian ngắn, nhưng nó đã trả dứt nợ.

Những công đức xã hội, mặc dầu đặt để con người vào bực thấp trong cuộc tranh đấu để sống, có thể dẫn con người đến sự hy sinh tánh mạng; như vậy là tạo cho nó một tánh tình cao thượng trong những kiếp lai sinh và un đúc nó thành một kẻ phụng sự quốc gia.

Thiên tài của người nào là kết quả của nhiều kiếp cố gắng của anh, dầu anh tuyệt tự đi nữa anh cũng phụng sự được trong những kiếp tương lai, bởi vì mỗi lần anh tái sinh lại cõi trần, là mỗi lần anh được phát triển thêm.

Một linh hồn đầu thai vào một xác thân bị bệnh rượu chè say sưa của cha nó đầu độc, vì linh hồn đó phải học một bài học đau khổ để hướng dẫn kiếp sống của nó đúng với những nguyên tắc tốt đẹp hơn những nguyên tắc mà nó đã theo trong quá khứ.

Thế nên, trong mỗi trường hợp, quá khứ của một người, đều giải thích kiếp hiện tại của người ấy, ngày nào con người biết được những luật tiến hoá và tuân theo chúng thì ngày đó con người chắc chắn sẽ có thể tạo được kiếp số vị lai của mình và đúc nắn sự phát triển của mình theo những khuôn khổ tốt đẹp vô ngần, cho đến chừng nào trở nên một vị trọn sáng, trọn lành.

## TẠI SAO CHÚNG TA QUÊN NHỮNG TIỀN KIẾP ?

Khi ta nói đến luân hồi, câu hỏi thường nghe: “Nếu tôi đã sinh ra ở cõi trần kiếp trước, tại sao tôi không còn nhớ chi cả?” Xét sơ qua những việc đã xảy ra cũng đủ trả lời cho câu hỏi đó.

Chúng ta hãy để ý kiếp hiện tại, những điều ta đã quên vẫn nhiều hơn những điều ta còn nhớ. Nhiều người không thể nhớ mình đã có tập đọc, nhưng họ biết đọc chứng minh rằng họ đã có tập đọc. Những việc xảy ra hồi còn bé thơ đã xoá mất trong ký ức của ta, nhưng chúng nó còn để lại những dấu vết trong tánh tình chúng ta. Người ta quên rằng mình đã té lúc còn ấu thơ, nhưng không tránh khỏi tật nguyên, mặc dầu chúng ta vẫn dùng một xác thân này trong khi đã xảy ra những biến cố, mà bây giờ ta đã quên.

Những biến cố này không hoàn toàn mất hẳn đối với ta. Nếu một người kia bị thôi miên, thiếp đi, y sẽ thuật lại những điều y đã làm hồi nhỏ, người ta thấy những điều ấy bị chôn lấp trong ký ức chớ không phải tiêu mất. Chúng ta gặp nhiều trường hợp, những người sốt rét nặng, trong cơn mê sáng nói một thứ tiếng mà họ biết lúc nhỏ, nhưng khi lớn lại quên đi. Phần lớn tiềm thức của chúng ta gồm những kinh nghiệm ẩn tàng như thế; ấy là những hồi ức bị lãng quên, tuy vậy cũng có thể hồi phục được. Nếu những điều kinh nghiệm trong xác thân này là đúng thì những điều kinh nghiệm trong những xác thân trước đã chết và

tan rã không biết bao nhiêu thế kỷ rồi, lại càng đúng hơn nữa. Xác thân và trí óc của ta bây giờ không dự phần vào một phần nào trong những biến cố xa xăm ấy, vậy thì làm sao ký ức dùng chúng nó làm trung gian để phát hiện ra được?

Những thể trường tồn bất diệt theo chúng ta luôn luôn trong chu kỳ luân hồi là 3 thể thiêng liêng: tiên thể, kim thân và thượng trí.

Những thể thấp đã tan rã và trở về nguyên chất trước khi chúng ta đi đầu thai.

Chất khí mới làm cái trí, cái vía, và xác thân, 3 thể mới của ta kiếp này, thọ lãnh của Chơn Linh không phải những kinh nghiệm của quá khứ mà là những tư chất, những khuynh hướng, những năng lực, tức là những kinh nghiệm biến chất ra. Ý thức ta, sự ứng đáp tự nhiên của chúng ta, đối với những sự kêu gọi cảm tình và trí thức, việc chúng ta công nhận sức mạnh của một biện chứng hợp lý, sự tán đồng những nguyên tắc căn bản về sự phải và sự quấy, điều lành và điều dữ, đó là dấu vết của những sự kinh nghiệm mấy kiếp trước.

Nếu một người thuộc lớp trí thức thấp kém không thể bình phẩm được biện pháp hợp lẽ về toán học. Người nào kém về phần đạo đức thì không thể thấy được sự mạnh vô cùng của một lý tưởng cao siêu.

Có người thấu đáo và áp dụng lạ lùng một triết học hay một khoa học; người khác lại có một nghệ thuật mà

không học trước, như thế là ký ức phát triển năng lực của nó, mặc dầu công việc tập sự kiếp trước đã bị lãng quên.

Platon nói rằng: “Đó là sự sực nhớ lại.”

Nếu chúng ta cảm thấy thân mật với một người lạ, khi chúng ta mới gặp lần đầu tiên, ký ức ở tại đó, linh hồn biết rằng đó vốn là bạn thân của mình kiếp trước. Khi chúng ta tránh xa một người lạ, khi ta mới thấy y, ta dội ngược lại, ký ức cũng ở tại đó, linh hồn biết rằng anh đó là kẻ thù ngày xưa.

Sự quen thuộc cũng như sự báo trước này vốn do tâm linh mà ra, mà tâm linh vốn là ta vậy. Chúng ta nhớ lại, mặc dầu trí chúng ta làm việc, ta không thể ghi ký ức ta vào đó được. Trí và óc kiếp này đều mới, linh hồn cung cấp cho cái trí, những kết quả của quá khứ chớ không phải ký ức của những biến cố đó. Như một nhà buôn, cuối năm khoá sổ và khi bắt đầu vô sổ mới, đâu có ghi tất cả những điều mục trong sổ cũ, mà chỉ ghi những kết số các khoản tiền; cũng thế đó, linh hồn chỉ ghi vô trí mới những sự xét đoán mới của nó về những kinh nghiệm đời sống đã qua, và luôn những kết luận cùng những quyết định của nó. Ấy là sổ dự trữ truyền lại cho kiếp mới, được gọi là động sản trí thức cho cái nhà mới; dĩ nhiên đó là một ký ức thật sự.

Người đã tiến hoá, những tài sản này thật phong phú và khác nhau, nếu người ta so sánh chúng nó với những sở hữu tương xứng của kẻ dã man thì giá trị của một ký ức lâu đời thấy rõ ràng. Không có cái trí nào chứa đựng được ký ức những biến cố của nhiều kiếp, trái lại, khi chúng nó

cụ thể hoá thành những sự phán đoán đạo đức và trí thức rồi, có thể dùng chúng nó được. Cả trăm tội sát nhân đều quyết định: “Tôi không bao giờ nên giết ai cả.” Sự nhớ lại mỗi tội sát nhân là một gánh nặng vô ích, nhưng sự xét đoán rút ra ở những kết quả của chúng nó, (nghĩa là, quan niệm tự nhiên rằng: đời sống con người là thiêng liêng) làm ra ký ức của sự sát nhân này ở nơi con người văn minh.

Đôi khi người ta nhận thấy ký ức của những biến cố kiếp trước; mấy đứa trẻ thấy thoáng qua ở chỗ này, chỗ kia, những việc kiếp trước của nó nhờ vài sự biến cố hiện tại nhắc nhở. Đây là một trẻ nhỏ nước Anh, khi nó thấy những hình tượng lân thú nhứt thì nó bỗng nhớ lại kiếp trước của nó là một nhà điêu khắc. Kia là một trẻ Ấn Độ lại biết một cái rạch mà nơi đó nó bị chết chìm, lúc nó còn nhỏ, hồi kiếp trước, và nó còn biết người mẹ kiếp trước của nó nữa. Người ta đã ghi chép rất nhiều trường hợp nhớ lại những chuyện kiếp trước như vậy.

Và lại ta có thể nhớ lại chuyện kiếp trước, nhưng phải cần sự cố gắng liên tục tham thiền lâu ngày, nhờ đó trí huệ lúc trước hiểu động và luôn luôn cố ý muốn thoát ra ngoài, nay bị kiểm soát và trở nên yên tĩnh để hiểu biết được Chon Linh, hoà hợp với nó, và nhờ nó cho biết ký ức kiếp trước, chỉ khi nào ta nghe được tiếng nói còn yếu ớt của Chon Linh, thì chuyện kiếp trước mới trải ra trước mắt ta, vì chỉ Chon Linh mới nhớ lại được và phóng ra những tia sáng của ký ức để soi sáng sự tối tăm của bản tánh thấp hèn và thường thay đổi mà tạm thời nó bị kết chặt vô đó.

Trong những điều kiện như thế, có thể nhớ lại được nhờ những dây liên lạc quá khứ, nhận biết các bạn thân thuở xưa, diễn lại những tấn tuồng kiếp trước trong khi thực hành sự kinh nghiệm về sự trường tồn bất diệt này, có một sức mạnh và một sự an tĩnh không thể hình dung được từ trong tâm phát ra. Những sự buồn phiền hiện tại trở nên nhẹ nhàng, khi ta thấy mặt thật của nó trong khuôn khổ những biến cố tâm thường và nhất thời đối với một đời sống vô cùng, vô tận. Những lạc thú bây giờ mất hết màu sắc xán lạn, khi người ta hiểu rằng: chúng nó chỉ là những sự vui vẻ của quá khứ lặp lại mà thôi. Sự buồn, vui đều được thừa nhận ngang hàng như nhau với tư cách là những kinh nghiệm hữu ích để làm cho tâm và trí được phong phú và góp sức vào sự phát triển đời sống.

Khi sự vui sướng và sự đau khổ được thấy với ánh sáng trường cửu (chỉ chừng đó mà thôi, chớ không phải như trước) thì có thể đương đầu với những kỷ niệm cấp bách kiếp trước mà không sợ nguy hiểm, khi đó những kỷ niệm này trấn tĩnh những cảm xúc hiện thời và những điều mà có thể làm cho ta tan nát sẽ thành một chỗ nương dựa và một sự an ủi. Ông Goethe rất vui thích khi ông nghĩ rằng lúc ông đầu thai lại cõi trần ông sẽ quên hết những chuyện kiếp trước của ông; những người kém trí lực có thể vừa lòng về sự khôn ngoan của mình, trong mỗi kiếp sống mới trên con đường thích hợp với mình, sự khôn ngoan này nhờ những kết quả của những việc đã xảy ra kiếp trước bồi bổ thêm, chớ không phải bị tràn ngập những biến cố kiếp trước.



## CHƯƠNG 7

### SỰ BÍ MẬT CỦA LÒNG THƯƠNG VÀ GHÉT

Đối với phần đông chúng ta, cõi đời hiện tại đây những sự rối rắm và những điều đáng hiềm nghi; những sự rối rắm đó chúng ta không thể gỡ mỗi được, và những điều hiềm nghi đó chúng ta không tài nào giải nổi. Tại sao thiên hạ sinh ra lại khác nhau rất xa về trí và đức? Tại sao đứa trẻ này có bộ óc tỏ ra đại trí tuệ và đạo hạnh cao siêu, còn đứa khác lại có bộ óc chứng tỏ nó sẽ là kẻ ngu độn hoặc là kẻ tội phạm? Tại sao đứa này có cha mẹ tử tế và thân yêu, và những hoàn cảnh thuận tiện, trong khi đứa kia lại sầu khổ vì bị cha mẹ vô hạnh ghét bỏ, và nuôi dưỡng một nơi hết sức đê tiện? Tại sao đứa kia được sự may mắn và đứa nọ lại bị rủi ro? Tại sao kẻ này chết già, người nọ chết trẻ? Vì sao một người bị ngăn trở bởi một việc đột ngột, nên không đi một chuyến tàu để tránh khỏi nạn tàu chìm, hoặc khỏi bị nạn xe lửa lật, còn cả trăm người khác bị chết không ai cứu? Tại sao ta lại yêu một người khi ta mới gặp, còn người kia ta vừa thấy, ta đã mất vui? Những câu hỏi như thế rất nhiều và vẫn chưa ai trả lời. Nhưng chẳng có gì là khó, vì những việc bề ngoài mới xem qua dường như bất công, những biến cố bề ngoài xem như thành linh, ngẫu nhiên, chẳng qua là kết quả hành động của vài luật căn bản tự nhiên và đơn giản. Sự hiểu biết những luật huyền bí này làm cho đời sống minh bạch, phục hồi lòng tín nhiệm của ta trong trật tự thiên nhiên và

truyền cho ta sức mạnh và can đảm, để chống chọi với sự thăng trầm của vận mạng. Những cuộc thử thách xảy đến cho ta mà ta “chẳng rõ là từ đâu đến” thấy rất khổ tâm, nếu do những nguyên nhân mà ta hiểu biết nhờ đó ta có thể chế ngự được và ta có thể bền lòng chịu đựng và nhẫn nại.

Nguyên tắc thứ nhất mà ta cần phải hiểu rõ ràng, trước khi bắt đầu áp dụng nó vào sự giải quyết những vấn đề của đời sống là luật luân hồi. Con người vốn là Chon Linh, là một cá nhân sống và tự hiểu mình, nó là sự sống có ý thức trong xác thân bằng vật chất rất tinh vi. Sự sống không thể hành động được, nếu chẳng có một xác thân về loại nào đó, nghĩa là thứ hình dạng bằng vật chất, tinh tế, tạo cho nó sự sống riêng biệt, chia rẽ trong vũ trụ này, bởi vậy chúng ta thường nói những xác thể cũng như những “phương tiện chuyển vận” để chở chuyên sự sống và cho nó một cá thể. Chon Linh đầu thai xuống cõi trần, phải đi ngang qua cửa sinh sản, mang một xác thịt, chẳng khác chi người mặc thêm cái áo choàng và đội nón đi ra ngoài, cách xa gia đình; nhưng xác thịt không phải chính là con người, cũng như cái áo choàng và cái nón không phải là cái xác đang mặc đồ đó. Như một người cởi bỏ những quần áo rách và mặc y phục mới, Chon Linh bỏ cái xác hư hoại, lấy cái xác mới khác để dùng. (Bhagavad Gita). Khi xác thịt đã mãn kỳ, con người qua cửa tử, bỏ y phục trần gian và bước vào “thế giới khác.” Trong thời gian dài nghỉ ngơi và tu bổ, những kinh nghiệm kiếp trước được đồng hoá, làm tăng thêm quyền năng, sau đó con người trở lại cõi trần một lần

nữ, nhờ cha mẹ sinh cho xác thịt khác, hạp với tài năng đã tiến lên. Lúc mà các Chon Linh phải đầu thai làm người ở cõi trần đã mấy triệu năm rồi, các ngài chỉ là những mầm non, những hạt giống chẳng thông điều lành hoặc điều dữ; nhưng có không biết bao nhiêu khả năng để phát triển, vì các ngài là con của đức Thượng Đế, nhưng các ngài không có những quyền năng nào thật sự, ngoại trừ sự rung động yếu ớt để ứng đáp lại những kích thích ở ngoại giới. Tất cả những quyền năng còn tiềm tàng phải được phát hiện ra một cách tích cực nhờ những kinh nghiệm trải qua ở thế gian. Nhờ sự khoái lạc và cực nhọc, nhờ sự vui vẻ và điều đau khổ, thành công và thất bại, đầy đủ và thiếu thốn, nhờ sự chọn lựa liên tiếp điều phải và điều quấy, Chon Linh học được nhiều luật không nên vi phạm và phát triển chậm chạp, từ cái này tới cái kia, những năng lực trong đời sống về trí tuệ và đức hạnh. Sau mỗi thời kỳ ngắn ngủi lặn hụp trong biển trần ai, thời kỳ mà chúng ta thường gọi là “một kiếp,” Chon Linh trở về cõi vô hình mang theo những kinh nghiệm đã thu thập, cũng như một người thợ lặn khi trôi lên khỏi mặt biển, mang về những hạt ngọc mà y đã tìm được nơi những vùng hào trai. Nơi cõi vô hình này, nó biến đổi tất cả những tài liệu về đức và trí đã gom góp được lúc còn sinh tiền, thành những quyền năng đạo đức và trí thức, như đã giải bày ở đoạn trước. Biến đổi những nguyện vọng thành những năng lực để thi hành, những kết quả của sự cố gắng bị thất bại thành những sức mạnh cho sự thành công mai sau, thay đổi những bài học sai lầm thành những tánh cần thận, khôn ngoan và lo xa, đổi những sự đau khổ đã qua thành ra sự nhẫn nại, đổi

những sai lầm thành ra sự ghê tởm những điều quấy, sau cùng thay đổi tất cả các điều kinh nghiệm thành ra sự khôn ngoan. Cũng như ông Edwart Carpenter đã nói: “Tất cả những điều cực nhọc mà tôi trải qua trong một xác thân sẽ thành những quyền năng để tôi sử dụng trong xác thân mới sau này.”

Khi tất cả những điều thu thập đã được đồng hoá rồi thì con người trở lại trần gian một lần nữa. (Thời gian ở cõi thiên đàng lâu hay mau tùy theo số tài liệu mà trí và đức thu thập được). Con người sẽ được đưa đến chủng tộc nào, quốc gia nào và gia quyền nào, phải tạo xác thân mới cho nó (theo những điều kiện riêng, sau sẽ nói rõ), xác thân này được nắn đúc tùy theo sự cần thiết, để nó có thể dùng làm khí cụ thích đáng cho quyền năng và cũng là giới hạn để chứng tỏ sự còn khuyết điểm của nó. Con người trong xác thân mới, rồi bỏ xác, trở về cõi vô hình, con người lại phải trải qua một vòng luân hồi như thế nữa, nhưng với một trình độ cao hơn kỳ trước. Công việc cứ thế, lặp lại cả trăm kiếp, cho đến khi các khả năng của con người trở thành những quyền lực hoạt động, cho đến lúc con người học được lần lần, từ điều này đến điều nọ, tất cả các bài học của đời sống con người có thể dạy Chon Linh. Như thế, Chon Linh phát triển từ lúc bé đến lúc trưởng thành, rồi từ trưởng thành đến tuổi già, thành ra một đời sống cá thể sức mạnh vô biên và sự ích lợi sẽ vô tận cho công việc thiêng liêng. Những Chon Linh nào tranh đấu và phát triển trong nhân loại, sẽ trở thành những người đỡ đầu cho nhân loại sau này. Theo thời gian các vị ấy sẽ thành những

Đấng thiêng liêng, hướng dẫn cuộc tiến hoá cho thế giới sinh sau thế giới của họ. Chúng ta đã được che chở, giúp đỡ, dạy dỗ, nhờ những vị thiêng liêng vốn là những người ở những thế giới sinh ra trước thế giới ta ở bây giờ và cũng nhờ những người tiến hoá tốt bộc hiện giờ thuộc về nhân loại ở tại trái đất này. Chúng ta sẽ trả món nợ ấy bằng cách che chở, giúp đỡ và dạy dỗ các giống dân ở những thế giới mà hiện giờ còn ở trong giai đoạn đầu tiên, đang chuẩn bị để thành những nơi cư trú của nhân loại vị lai, sau không biết bao nhiêu thế kỷ nữa.

Nếu chúng ta thấy chung quanh ta, những kẻ dốt nát, ngu đần và thật hung bạo, các năng lực về trí và đức còn hẹp hòi, đó là những linh hồn còn trẻ hơn chúng ta, ấy là những đàn em chúng ta; vậy ta nên tỏ lòng khoan hồng về các điều sai lầm của họ hơn là khắc nghiệt và ghét bỏ. Trong mấy kiếp trước chúng ta cũng như họ ngày nay; ngày nay chúng ta thế nào thì ngày sau họ cũng trở nên thế ấy. Họ và chúng ta đều tiến tới và cứ tiến tới luôn luôn, trải qua những thế kỷ vô tận.

Đó là nguyên tắc căn bản thứ nhứt, ứng dụng vào các điều kiện hiện tại, làm cho đời sống được minh bạch.

Ở đây, tôi chỉ giải một, trong mấy câu hỏi trên với vài chi tiết: Tại sao ta yêu người này khi ta mới gặp lần đầu, lại không ưa người kia. Nhưng mà người ta cũng có thể trả lời giống cách ấy cho tất cả các câu hỏi khác. Tuy nhiên, nếu muốn trả lời đầy đủ, ta lại phải hiểu rõ nguyên tắc đi đôi với luật luân hồi, tức là luật nhân quả.

Luật này có nói một câu quen thuộc: “Mỗi người, hễ gieo giống chi thì gặt giống nấy.”

Do đó, ta hiểu rằng: con người tự tạo tánh nết cho mình, con người trở thành cái gì mà họ tưởng nhớ hằng ngày; và do những kết quả việc làm của họ đối với những người chung quanh, họ chuẩn bị những cơ hội cho kiếp tái sinh. Thí dụ, nếu tư tưởng tôi cao thượng, tôi tự tạo lần lần một tánh tình cao thượng; nhưng nếu tôi suy tưởng điều thấp hèn, tất nhiên tôi sẽ tự tạo ra tánh nết xấu xa. Những thánh kinh Ấn Độ có nói: “Con người do tư tưởng sinh ra; họ suy tưởng quyết liệt cái chi trong kiếp này thì kiếp sau họ sẽ thành cái đó.”

Khi tư tưởng thường cố định về một vấn đề nào thì nó khai một con đường, do theo đó mãnh lực tư tưởng tự động lưu hành. Thói quen tư tưởng này vẫn còn sống, sau khi ta bỏ xác, nó thuộc quyền sở hữu của Chơn Nhơn (Ego) và được chuyển di lại kiếp sau thành ra xu hướng và năng lực của tư tưởng. Tôi xin kể một thí dụ về những người cao siêu, nếu thường thường họ khảo cứu những vấn đề trừu tượng thì kiếp sau, khi sinh ra sẽ có một quyền năng thật phát triển về việc tư tưởng trừu tượng, trái lại, nếu suy nghĩ vội vàng sơ suất nhảy từ vấn đề này qua vấn đề khác thì khi tái sinh sẽ có một tánh nết nghịch ngợm hay liên xáo, lo lắng và không mục thước. Lòng tham lam, ích kỷ, muốn chiếm đoạt của thiên hạ mặc dầu kiếp này chưa thành sự trộm cắp thật sự, kiếp khác sẽ thành ra kẻ trộm đạo. Sự oán ghét và ý muốn trả thù cũng thế ấy, dầu ấp ủ kín đáo trong lòng, cũng là cái mầm tạo ra kẻ sát

nhân. Lòng thương yêu không cầu lợi tạo thành nhà bác ái và thánh nhân, tư tưởng từ bi tạo ra bản tánh dịu dàng và nhân đức của người “bạn thân của tất cả chúng sanh.”

Khi hiểu biết luật công bình bất di bất dịch này và cách trả lời phân minh của tạo vật về mỗi câu hỏi, con người có thể đào tạo tánh nết mình một cách đúng đắn theo khoa học, với một cách gan dạ và nhẫn nại con người hướng về khuôn mẫu cao quý của mình đang xây dựng, tuy có hơi chậm nhưng mà chắc chắn.

Hiệu quả các sự hành động của chúng ta đối với kẻ chung quanh đúc thành những hoàn cảnh ngoại giới của ta trong kiếp sau. Nếu chúng ta đã gây hạnh phúc cho những người chung quanh, ta sẽ được sinh vào một chỗ hết sức thuận tiện hoặc chúng ta được đưa đẩy vào cảnh ngộ ấy ở kiếp sau. Trái lại, gây sự khổ cho đời sẽ gặp nghịch cảnh ở kiếp sau. Chúng ta tạo ra những dây liên lạc với kẻ chung quanh ta do sự tiếp xúc của ta với họ. Vậy những liên kết ấy, rèn bằng sự trao đổi những phương tiện tốt đẹp hoặc thấp hèn, để lấy những khoen vàng yêu thương hoặc là dây xích sắt oán ghét. Ấy là luật nhân quả.

Một khi ý kiến bổ túc này đã ghi vào trí não một cách minh bạch rồi, chúng ta có thể trả lời câu hỏi của ta một cách dễ dàng hơn hết.

Những dây liên lạc giữa các Chơn Nhơn, giữa các linh hồn có cá tánh không thể xảy ra trước khi Chơn Linh tách ra khỏi Thượng Đế, cũng như những giọt nước có thể tách ra khỏi đại dương. Trong giới kim thạch và thảo mộc, sự

sống biểu lộ trong đá và cây chưa tiến hoá đến trình độ lập thành cá nhân riêng.

Danh từ “hồn khóm” (âme groupe) đã dùng để phát biểu ý tưởng của đời sống này đang tiến hoá với tư cách là nuôi nhiều cơ thể hữu hình đồng loại. Như vậy, trọn một loại thảo mộc, thí dụ như loại hoa cỏ, hoa có hình tán (ombellifères) hay là hoa hồng đều nhờ có hồn khóm nuôi sống mà thôi; có thể gọi hồn khóm là giác hồn, hồn khóm này tiến hoá là nhờ các kinh nghiệm thu thập trải qua nhiều kiếp. Những sự kinh nghiệm của mỗi cây cỏ lưu hành trong “sự sống” đang điều khiển toàn thể loại cây ấy để giúp đỡ và thúc giục sự tiến hoá. Lần lượt những hình dạng trở nên thêm phức tạp thì hồn khóm chia ra làm nhiều tiểu bộ và mỗi tiểu bộ lần lần tách riêng ra khỏi nhóm của mình. Hết số tiểu bộ càng ngày càng tăng thì số hình dạng của mỗi tiểu bộ càng ngày càng giảm. Trong giới thú vật sự phân chia hồn khóm này vẫn tiếp tục; về loại thú có vú bậc cao thì mỗi hồn khóm có một số ít thú vật, bởi vì tạo vật làm việc thiên về sự có cá tánh. Những kinh nghiệm thu thập bởi mỗi sinh vật đều được chia đồng đều cho hồn khóm của nó, và thâm nhiễm mỗi con thú ở trong hồn khóm đó sinh ra; những sự kinh nghiệm này làm ra điều mà chúng ta gọi là bản năng, chúng ta đã thấy ở mỗi sinh vật vừa mới sinh ra. Chính bản năng này khiến con gà con vừa mới nở biết chạy trốn dưới cánh gà mẹ, để được bảo vệ cho khỏi sự nguy hiểm, hay khiến con hải ly (castor) xây đắp đê của nó để tự vệ. Những kinh nghiệm súc tích của nòi giống nó được bảo tồn trong hồn khóm, và



để diu dắt mỗi phần tử của hồn khóm nó. Khi giới thú vật đã đến trình độ cao hơn hết thì mỗi tiểu bộ chót của hồn khóm chỉ nuôi có một con thú mà thôi; đến lúc cuối cùng nó sẵn sàng tiếp đón “sự sống thiêng liêng” hay là Chơn Linh tuôn xuống cho nó. Đây là sự sinh hoá linh hồn con người hay là Chơn Nhơn và từ đó sự tiến hoá về trí thức của bản ngã khởi sự.

Từ lúc sự sống riêng biệt linh động trong một thể xác thì sợi dây liên lạc có thể kết liền nó với những sự sống độc lập khác, mỗi sự sống đều ở trong một thể xác khác nhau. Những Chơn Nhơn ở trong xác thịt đều tiếp xúc với nhau, người này với người nọ. Có thể sự hấp dẫn của xác thịt lôi cuốn vị Chơn Nhơn này theo vị Chơn Nhơn kia, vị này ở trong xác đàn ông, vị kia ở trong xác đàn bà.

Họ sống chung với nhau, có những quyền lợi chung và như vậy những sợi dây liên lạc đã tạo; ta có thể nói họ đã gây ra oan trái với nhau, nợ này chẳng có toà án thiêng liêng nào huỷ bỏ được. Sự chết làm mất xác người này, rồi xác người kia; cả hai đều đi qua cõi vô hình, nhưng oan trái ở cõi trần phải trả ở cõi trần và cả hai lại phải gặp nhau ở thế gian nữa và nối lại cuộc liên lạc đã bị gián đoạn bởi sự chết. Các vị Đại Đế cai quản luật nhân quả diu dắt cho hai người được tái sinh đồng thời, để khoảng thời gian sống ở cõi trần của họ được phù hợp một phần nào, về thời giờ cùng chỗ ở, và họ sẽ gặp nhau. Nếu oan trái ấy, là sự thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau thì hai người lại được hấp dẫn đến gần nhau; Chơn Nhơn tự hiểu lẫn nhau là hai bạn thân, mặc dầu mỗi người đã mặc một lớp áo khác và họ

quyến luyến nhau chớ không thấy xa lạ. Trái lại, nếu là oan trái vì sự thù hiềm và lầm lỗi nặng nề, họ lánh xa nhau với cảm giác dội ngược lại, mỗi người tự nhiên hiểu rằng: đó là một người thù cũ, do cái hố chứa những lỗi lầm đã gây ra thiệt hại cho hai bên. Chắc chắn mỗi độc giả đều có gặp những trường hợp như thế mà không nghi ngờ nguyên nhân sâu xa. Thật vậy, những sự triu mến và những sự ty hiềm thành linh thường bị người ta gọi là “vô nguyên nhân,” nhưng ở một cõi mà khắp nơi đều tuân theo một luật, dù có thế nào, một việc xảy ra lại chẳng có nguyên nhân được?

Nhưng chẳng phải do đó mà những linh hồn có liên hệ với nhau thì cần phải nối lại dây liên lạc, mà sự chết đã chặt đứt, y như kiếp trước. Người chồng và người vợ ở kiếp này, có thể tái sinh chung trong một gia đình kiếp sau, làm anh trai và em gái, hoặc cha và con trai, hoặc cha và con gái, hoặc ở các giai cấp khác trong họ. Hoặc có khi sinh ra là người dung ở xa nhau, nhưng khi gặp nhau lần đầu tiên, lúc trẻ, hoặc lúc già tức thì có lòng triu mến không thể cản ngăn được. Chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà ta đã trở nên thân mật với một người khi nãy còn là người xa lạ; còn người kia ở gần ta năm này qua năm nọ, mà trong tâm ta, ta với người là những kẻ không quen biết nhau, cách xa nhau như vạn dặm. Vậy do đâu mà có những sự thân thuộc lạ lùng như vậy, nếu chẳng phải là sự hồi tưởng những tình thương kiếp trước của Chon Nhon? Chúng ta chẳng nói với người bạn thân mới được vài tuần rằng: dường như tôi biết rõ bạn lắm, còn nhiều người khác mà ta

đã biết từ nhỏ lại đối với ta không khác nào những quyển sách xếp lại, đọc không được. Các Chon Nhon tự biết lẫn nhau, mặc dầu xác thân lạ nhau, và những bạn thân lâu đời siết tay nhau để trọn tin nhau và hiểu ý nhau. Và điều ấy mặc dầu óc xác thịt chưa học tập thu nhận những cảm giác của ký ức ở trong các thể tinh vi, nhưng vì chúng nó quá tinh túy, nên không thể sinh sản những sự rung động trong chất thô sơ của cái óc và kêu gọi những sự rung chuyển đồng tính với ý thức trong xác thịt.

Đôi khi những dây oan trái, thù hận và ác hại đã gây ra, qui tụ những kẻ thù cũ về ở trong một gia đình để cùng chịu chung những kết quả tàn khốc trong các sự đau khổ của mỗi người đã làm. Những tấn thảm kịch đen tối trong gia đình có gốc rễ thâm sâu như thế trong kiếp trước và biết bao nhiêu điều ghê sợ đã do hội bảo trợ nhi đồng khám phá được; như nỗi đau khổ của trẻ con bị mẹ ruột chúng nó hành hạ khắc nghiệt, sự hung tợn tinh quái gieo sự đau đớn để vui mà thấy mấy kẻ bị hành hạ quằn quại và thở hơi cuối cùng. Các điều ấy có thể hiểu được, khi ta biết rằng linh hồn trong xác trẻ này, hồi kiếp trước, đã có làm khổ sở người đang đánh đập nó bây giờ, nên kiếp này người ta làm khổ lại, và bây giờ những kinh nghiệm rùng rợn làm cho nó nếm mùi để biết rằng: theo những con đường quấy thì bị đau khổ đến bực nào!

Có người lại nghĩ: Nếu điều này đúng với sự thật thì chúng ta có nên cứu trợ mấy trẻ nhỏ này chẳng? Rất cần! Không cần phải do dự, đó là bổn phận chúng ta phải giúp đỡ cho bớt khổ, bất kỳ chúng ta gặp cảnh ngộ đó ở đâu,

chúng ta phải vui mừng mà thấy rằng luật trời dùng ta để làm những kẻ bố thí lòng từ bi.

Có người lại hỏi: Làm sao có thể chặt đứt được những dây oan trái của sự quấy? Những khổ hình đã gia phạt đưa trẻ rồi, sẽ còn đúc ra một sợi dây xích mới nữa chăng? Và những cha mẹ hung ác đó sau này sẽ là nạn nhân của đứa con bị áp bức thống khổ đó chăng?

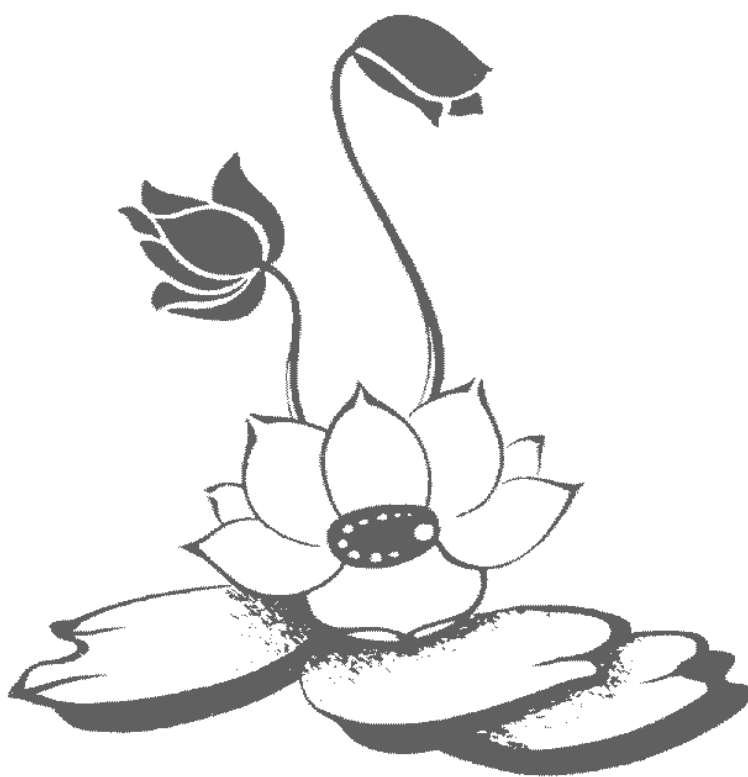
Đúng như lời Phật đã dạy, vì Ngài hiểu rành luật trời: “Không phải lấy oán trả oán mà oán đó đứt.” Nhưng mà Ngài truyền dạy bí quyết để giải thoát khi Ngài nói tiếp: “Tình yêu thương mới chấm dứt được sự thù hận,” tức là lấy ân đáp oán thì cái oán mới đứt. Trong khi vị Chon Nhon chịu đau khổ để trả nợ cũ mà đủ khôn ngoan, đủ can đảm, đủ cao thượng để nói lúc bị thống khổ về xác thịt hoặc tinh thần: “Tôi tha thứ” thì Chon Nhon đã xoá bỏ món nợ mà nó có thể bắt buộc kẻ thù xưa phải trả và mỗi oán hờn đã tiêu tan đời đời trong ngọn lửa bác ái.

Những dây oan trái về tình yêu cứ mạnh thêm trong mỗi kiếp tại cõi trần, trong khi đó hai người vẫn giữ tình huynh đệ; những dây oan trái về tình yêu này càng thêm vững chắc lúc về cõi thiên đàng, nơi đây không có sự thù hận nào lãng vãng đến được. Những Chon Nhon còn mang mối thù hận lẫn nhau, không giao thiệp với nhau ở cõi thiên đàng; mỗi người phát triển điều lành của mình đã có mà không tiếp xúc với kẻ thù.

Khi Chon Nhon thành công trong sự ghi vào óc xác thịt ký ức kiếp trước, chừng đó những kỷ niệm chung càng

làm cho các Chơn Nhơn gần nhau thêm, mỗi liên quan gây ra một ý niệm an toàn và mạnh mẽ mà những nghĩa vụ trong một kiếp không thể nào tạo được. Mấy Chơn Nhơn như thế vui lòng tin tưởng mạnh mẽ và sâu xa, vì nhờ kinh nghiệm của mình mà biết lòng thương yêu không hề bị tiêu diệt.

Ấy là những điều giảng giải về những sự khắng khít và những sự tương quan đối nghịch nhau theo ánh sáng của luật luân hồi và nhân quả.



## CHƯƠNG 8

### NHÂN QUẢ: LUẬT HÀNH ĐỘNG VÀ PHẢN ỨNG

Danh từ “karma” (nhân quả) chỉ định một cách đơn giản là hành động; nhưng ý nghĩa tiếng này có một phạm vi rộng lớn, hơn nữa có nhiều nguyên nhân góp phần vào sự thực hành của một việc mà người thường không thể tưởng tượng được.

Hành động nào cũng có một dĩ vãng đưa đến và sinh ra một tương lai. Điều hành động bao hàm một ý muốn đã kêu gọi nó; một tư tưởng đã tạo ra cho nó hình dạng, ngoài ra sự hoạt động hữu hình mà người ta gọi tên là “hành vi” thường thường là hữu hạn. Mỗi hành vi là một cái khoen của sợi lòi tói vô cùng vô tận của nhân và quả. Mỗi quả trở thành một nhân và mỗi nhân ngày nay là một quả hồi trước; mỗi khoen của sợi lòi tói vô cùng vô tận này đã rèn bằng ba yếu tố: ý muốn, tư tưởng và hoạt động. Ý muốn kích thích ra tư tưởng; tư tưởng lại cụ thể hoá thành hành động. Có khi một tư tưởng dưới hình thể của một kỷ niệm lại đánh thức một ý muốn, và ý muốn ấy phát hiện ra thành hành vi. Nhưng người ta luôn luôn gặp ba nguyên động lực: hai cái vô hình thuộc về ý thức, còn cái kia hữu hình thuộc về thể xác; nói cho thật đúng, hành vi cũng có trong ý thức, như hình bóng, trước khi biểu lộ dưới hình thức hành vi cụ thể. 3 trạng thái của ý thức là ý muốn hay là quyết chí, tư tưởng và hoạt động. Sự liên quan này, giữa

ý muốn, tư tưởng và hoạt động trong sự “hành động,” sự liên quan vô tận của những hành động như nhân và quả, tất cả đều gom vào trong danh từ karma. Đó là sự nối tiếp chúng ta cần phải biết, đó là “luật.” Vì thế cho nên karma được gọi là “luật nhân quả.” Định thức của nó, theo khoa học là: hành động và phản ứng đều bằng nhau và trái ngược nhau.

Câu này trong thánh kinh, có nhiều người đã biết đến: “Người nào cũng sẽ gặt được, tùy theo cái gì nó đã gieo.” Được phô diễn lại luật này dưới một hình thức khác, đôi khi, chúng ta gọi là luật quân bình, vì nơi nào sự quân bình bị đảo võ thì có một động lực thiên nhiên tu bổ sự quân bình lại.

Vậy karma là sự biểu thị của tạo hoá, dưới trạng thái là “luật.” Sự bất khả xâm phạm của trật tự thiên nhiên, sự đúng đắn của luật thiên nhiên, sự chân thành tuyệt đối của tạo vật, là những nền tảng kiên cố của vũ trụ. Nếu không có chúng nó thì chẳng thế nào có khoa học, chẳng có sự gì chắc chắn, không có bài học dĩ vãng, và những điều tiên kiến về tương lai, như thế sự kinh nghiệm của nhân loại trở thành vô dụng và sự sống sẽ là một sự hỗn độn vô lý.

Người đã gieo cái gì thì bây giờ gặt cái nấy. Ấy là nhân quả (karma). Nếu ta muốn cần dùng lúa, thì ta phải gieo lúa; không thể nào trồng nho mà lại mong được bông hường, ương những cây gai mà muốn gặt lúa mì. Trên đường đạo đức và trí thức thì luật cũng bất di bất dịch; nếu gieo trồng sự biếng nhác thì không thể nào gặt được sự học

thức; vun trồng điều ích kỷ thì không thể nào gạt được tình thân ái; vun trồng sự sợ sệt thì làm sao có thể được tánh can đảm.

Giáo lý tốt đẹp này khiến ta phải nghiên cứu những nguyên nhân mà ta đã gây ra do theo những ý muốn, những tư tưởng, và những hành động của ta trong mỗi lúc, và am tường những kết quả không tránh được; giáo lý ấy khiến con người từ bỏ tất cả những ý nghĩ sai lầm về sự “xá tội, đền tội thế cho ta,” sự khoan hồng của Thượng Đế, những thứ ma túy khác mà sự dị đoan đã hiến cho kẻ tội lỗi. Đối với những người tìm thế trần tĩnh sự lo sợ bằng những phương thuốc tinh thần như thế, giáo lý karma đánh lên một tiếng kèn kêu vang: “Chớ nên lâm tưởng hảo huyền, không ai lừa dối Thượng Đế được, người gieo giống chi, thì người sẽ gặt giống đó.”

Đó là phương diện cảnh cáo của định luật, nhưng đây là phương diện khích lệ, nếu định luật thống trị cõi trí và đức, thì chúng ta có thể xây dựng tánh tình của ta; tư tưởng sinh ra hạnh kiểm, và hạnh kiểm làm thành tánh nết.

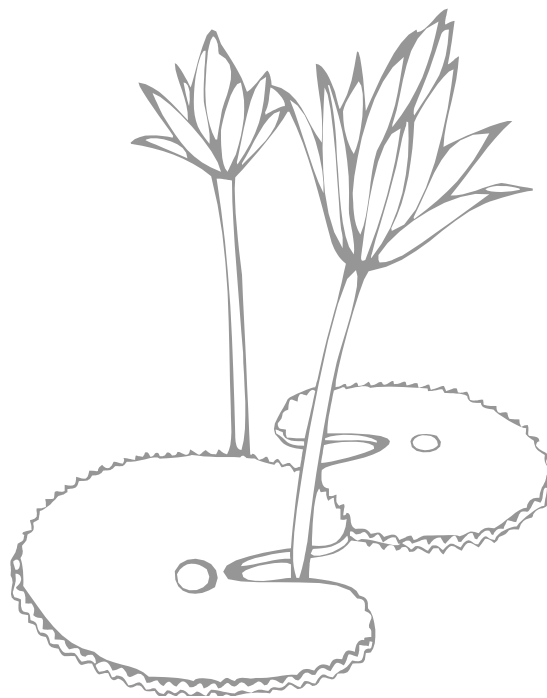
**“Con người tưởng thế nào thì y là thế ấy.” “Con người do tư tưởng tạo ra,” và “con người trở thành cái gì mà y bèn lòng tưởng nhớ.”**

Nếu chúng ta tham thiền về tánh can đảm là chúng ta đã thêm dặt sự can đảm trong tánh nết của chúng ta. Các tánh khác cũng thế, như tánh thanh khiết, bèn lòng, tận tâm, tự kiểm soát, v.v... Nếu một tư tưởng được duy trì



bền bỉ, nó tạo ra thói quen xác định của cái trí, và thói quen này biểu lộ thành tư cách trong tánh nết. Chúng ta có thể xây dựng tánh nết của ta một cách chắc chắn, khi ta thi hành đúng theo định luật, cũng như người thợ hồ có thể xây một tấm vách tường. Tánh nết là một nguyên động lực mạnh mẽ nhất trong định mạng, và trong khi chúng ta tạo được một tánh tốt, chúng ta chắc chắn có một định mạng hữu ích và phụng sự nhân loại. Chúng ta đau khổ vì định luật thì cũng do định luật mà chúng ta chiến thắng.

Không định luật thì chúng ta bị trôi giạt theo trào lưu, cũng như chiếc thuyền không lái. Khi biết được định luật, chúng ta cầm vững tay lái, nhờ đó ta điều khiển được chiếc tàu của ta đi đến chỗ ta muốn.



## CHƯƠNG 9

### BA SỢI CHỈ CỦA SỢI DÂY ĐỊNH MẠNG

Theo người Hy Lạp thì có 3 vị thần định mạng quây sợi dây kiếp số. Đối với người đã biết đạo, có 3 vị thần định mạng, mỗi vị quây một tao, và 3 tao xe chung lại làm một sợi dây kiếp số, chắc chắn sợi dây này cột hoặc mở kiếp sống con người tại cõi trần. 3 vị thần định mạng này chẳng phải là những người đàn bà trong câu chuyện thần tiên Hy Lạp; ấy là 3 quyền lực của ý thức của con người; quyền lực ý chí, quyền lực tư tưởng, quyền lực hành động. Đó là 3 mối mệnh hệ dệt thành định mạng của con người, và chúng nó gốc ở trong mình chúng ta, chớ không phải ở ngoài. Định mạng của ta chính là công việc của ta; chẳng phải do ngoại giới độc đoán bắt buộc ta phải tuân theo. Chính quyền lực riêng của ta, vì bị vô minh che lấp nên sợi dây kiếp số đã xe và cuốn sợi dây lại để quấn chặt lấy mình, nếu quyền lực riêng của ta được điều khiển với sự hiểu biết thì nó tháo mở tứ chi ta, và đem ra khỏi vòng nô lệ.

Trong 3 quyền lực này, quyền lực tư tưởng là quan trọng hơn cả. Theo cội rễ Phạn ngữ thì tiếng **người** nghĩa là **người tư tưởng**. Sợi chỉ tư tưởng dệt thành những đặc tính về trí và đức, toàn thể những đặc tánh này hiệp lại thành tánh nết. Chúng ta đọc trong thánh kinh có câu: “Người ta tưởng cái gì thì người ta là cái đó,” ấy là định luật chung. Đặc biệt hơn nữa là câu này: “Ai ngó một người đàn bà và

sinh lòng tưởng muốn thì đã phạm tội tà dâm trong lòng.”  
 Hoặc câu: “Người nào ghét anh em nó thì chính nó là kẻ sát nhân.” Lý lẽ cao thâm là: khi trí bị điều khiển bởi một tư tưởng rõ ràng và cố định nào đó thì có một sự rung động xác định trong vật chất sinh ra, nếu càng tái diễn thì nó càng trở thành tự động và trở thành thói quen. Xác thịt theo dõi tinh thần và uốn mình theo các sự biến đổi; nếu chúng ta gom tư tưởng lại thì mắt chăm chú về một chỗ, các bắp thịt tự căng thẳng ra; nếu cố gắng để nhớ một điều gì, nó làm cho ta nhíu lông mày; cặp mắt lơ đãng chỗ này, chỗ kia, khi chúng ta rần sức để phục hồi một cảm giác đã quên mất; sự lo âu, sự giận dữ, lòng yêu thương, sự không kiên nhẫn, đều có sự chuyển động bắp thịt, riêng theo mỗi tánh; có ít người bị ám ảnh, muốn nhảy từ trên cao xuống là do khuynh hướng của thể xác thực hiện tư tưởng té ngã. Cho nên, bước đầu của việc quả quyết sáng tạo tánh hạnh cần phải cố ý chọn lựa những điều ta muốn suy nghĩ; kế đó, phải nhất định tưởng nhớ tánh hạnh đã chọn. Khá lâu chúng ta mới thấy tánh hạnh đó được biểu lộ ra, rồi lần lên, sự tập rèn tánh hạnh đó thành ra thói quen. Như thế, ta sẽ dẹt được canh chỉ của “tư tưởng” trong số mạng của ta và một ngày kia ta sẽ thấy có một đặc tánh, hướng về mục đích cao thượng và hữu ích. Thế là, ta tư tưởng thế nào ta sẽ thành như thế ấy. “Tư tưởng làm ra tánh nết.”

“Quyền lực ý chí” thiết lập vận mạng thứ nhì và xe một tao dây to của sợi dây số mạng. Ý chí phát hiện như dục vọng: dục vọng chiếm hữu, vốn là sự thương yêu, sự hấp dẫn dưới nhiều trạng thái; dục vọng xua đuổi vốn là

sự thù hận, sự xua đuổi, nó tách ra khỏi ta những cái gì có ác cảm với ta. Cũng chắc chắn như đá nam châm hút dính giữ sắt và thép, dục vọng của ta sẽ thu hút lại ta những gì mà ta muốn chiếm và giữ để làm vật sở hữu. Hăng hái muốn làm giàu và muốn được thành công thì sẽ được toại nguyện. Điều nào ta ham muốn một cách sốt sắng và bền bỉ thì nó sẽ đến với ta, chẳng sớm thì muộn. Một sự tương tượng, một ý nghĩ cuồng cuồng thoáng qua, một ý muốn không nhất định thì chỉ có sức thu hút yếu ớt; trái lại, nếu người nào có một ý chí mạnh mẽ thì thế nào rồi lại cũng chiếm được điều của ý thật lòng muốn. Vậy thì “tao chỉ dục vọng” này đem đến cho ta, hoặc là vật ta muốn, hoặc là có cơ hội tốt để chiếm đoạt được vật ấy sau này. “Ý chí tạo thành những cơ hội và thu hút những vật mình muốn.”

Sợi dây thứ ba là “quyền lực hành động”, đó là sợi dây đem điều hạnh phúc hoặc hoạn họa bên ngoài vào số mạng ta. Tùy theo cách xử thế của ta đối đãi với những kẻ chung quanh ta, họ sẽ đối đãi lại với ta, hoặc tốt, hoặc xấu. Kẻ nào ban rải điều hạnh phúc chung quanh mình thì cảm thấy điều hạnh phúc tràn đến cho mình, còn người làm khổ cho kẻ khác sẽ cảm thấy sự phản ứng đau khổ đã gây ra sẽ trở lại mình; nụ cười tạo ra nụ cười, khí sắc rầu rĩ sinh ra khí sắc rầu rĩ. Định luật về sự hành động có thể phát biểu như sau: “Mỗi hành động của ta đối với nhân loại gây ra cho ta một phản ứng giống như nó vậy.”

Ấy là ba tao chỉ hợp thành sợi dây số mạng, nó tạo ra tánh nết, cơ hội và hoàn cảnh. Sự chết chẳng phải chặt đứt được chúng nó một cách đột ngột; chúng nó vẫn kéo dài từ

kiếp này qua kiếp khác. Tư tưởng tạo ra tánh nết mà ta mang theo khi trở lại cõi trần. Ý chí đưa đến hoặc xua đuổi những cơ hội tốt hay xấu làm cho ta gặp may hay rủi. Hành động hấp dẫn đến cho ta những điều kiện vật chất thuận tiện hoặc bất lợi. **Con người là kẻ tạo ra tương lai của mình, là người thợ nắn đúc kiếp số của mình, đó chính là vận mạng của mình.**



## CHƯƠNG 10

### QUYỀN LỰC CỦA TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA NÓ

Một trong những tính đặc biệt nhất ở thời đại hiện nay là sự nhận biết ở mọi nơi quyền năng của tư tưởng, và tin rằng: con người có thể rèn đúc được tánh nết của mình, tạo ra định mạng của mình, bởi sự sử dụng quyền lực này, nó làm ra con người.

Về điểm này, những ý niệm hiện kim lại xác nhận những giáo lý trong các tôn giáo thuở xưa.

Vậy rất hữu ích cho chúng ta, nếu chúng ta biết cách dùng quyền lực của tư tưởng với tất cả khả năng, để đi đến kết quả tối đa. Điều này chỉ có thể thực hiện được là nhờ sự tham thiền và một trong những phương pháp đơn giản nhất, mà người nào cũng có thể thí nghiệm để biết giá trị, ấy là:

Hãy kiểm soát tánh nết riêng của ta, trích ra ít điều sai lầm; rồi ta tìm đức tánh tốt đối lập với thói xấu của ta. Thí dụ, ta lấy làm khổ về tánh dễ giận, vậy ta phải chọn đức tánh đối lập lại là tánh nhẫn nại. Khi đó, luôn luôn mỗi buổi sáng, trước khi giao thiệp với người khác, ta ngồi lại trong 4, 5 phút, và suy nghĩ về tánh nhẫn nại, giá trị của nó, sự đẹp đẽ của nó, thực hiện nó bằng cách tưởng tượng bị người khiêu khích mà vẫn bình tĩnh, ta phải dừng lại ở

phương diện này ngày nay, ở phương diện kia ngày mai, và phải kèm giữ cái trí ở tại đức tánh đã chọn lựa ấy; nếu tư tưởng lạc ra xa, thì ta phải đem nó trở lại vấn đề đang suy nghĩ đó. Ta phải tưởng đến chỗ ta được hoàn toàn nhẫn nại, như một kiêu mẫu kiên nhẫn và kết thúc bằng câu ước nguyện:

“Sự nhẫn nại này thuộc về bản tánh của tôi, tôi quyết thấy tôi nhẫn nại, và biểu lộ nó nay hôm nay.”

Trong mấy ngày đầu, chắc chắn ta chưa thấy thay đổi rõ rệt, ta cũng còn cảm thấy và tỏ ra giận hờn. Tuy vậy, ta hãy cố tâm tiếp tục mỗi buổi sáng. Khi ta thốt một lời giận hờn, tự nhiên có một tư tưởng hiện đến như chớp nhoáng: “Đáng lẽ tôi phải bền chí.” Hãy rán tiếp tục, đừng nản lòng. Sức xúi giục giận hờn càng ngày càng trở nên yếu ớt cho đến một ngày kia ta không còn thấy nó nữa, và sự nhẫn nại trở thành thái độ tự nhiên của ta, đối với các sự trái nghịch.

Đó là điều kinh nghiệm mà bất kỳ ai cũng có thể thử làm và tự chứng minh được cái luật ấy. Một khi ta đã chứng minh được, thì quyền năng đó có thể dùng để xây dựng đức tánh này, rồi đến đức tánh khác, và cũng tùy theo cách đó cho đến khi con người tạo ra được một tánh nết lý tưởng, nhờ quyền năng tư tưởng. Quyền năng này còn một công dụng nữa là giúp ích cho đời bằng cách gởi đi những tư tưởng tốt; như thế, ta có thể giúp người bạn thân trong cơn sầu não, bằng cách gởi đến y những tư tưởng an ủi, giúp người bạn đang tìm chân lý mà ta đã biết

được, với những tư tưởng minh bạch, xác định của ta. Ta có thể phóng ra trong cõi thượng giới, những tư tưởng đủ sức nâng cao, rửa sạch và khuyến khích tất cả những người nào dễ thụ cảm đến chúng; những tư tưởng bảo vệ sẽ là vị thần hộ mạng của những người mà ta thương yêu. Tư tưởng thích hợp xứng đáng là một ân huệ liên tiếp mà mỗi người có thể phóng ra xa, khắp chung quanh mình.

Nhưng ta cũng nên biết bề trái u ám của viễn cảnh xán lạn này. Tư tưởng xấu cũng có kết quả lạ lùng trong công việc quấy, giống như tư tưởng tốt giúp cho công việc lành. Tư tưởng có thể chữa hoặc làm giảm bớt điều phiền não, thì cũng có thể gây ra nguyên nhân khổ não được; nó có thể làm suy nhược tất cả, cũng như có thể an ủi. Những tư tưởng xấu rải ra trên không khí thượng giới, đầu độc những tinh thần dễ thụ cảm; những tư tưởng phần nộ và thù hận giúp sức cho hành động sát nhân; những tư tưởng hiểm độc đối với đời, giúp cho ngọn lưỡi nói hành càng thêm sắc sảo, nó thêm cánh cho mũi tên bắn ra hại kẻ công bình. Cái trí chứa những tư tưởng xấu, hành động như đá nam châm, để rút những tư tưởng xấu do nguồn gốc khác và làm cho nó càng ngày càng thêm xấu nữa. Suy nghĩ điều quấy là một bước đến sự phạm lỗi, và một sự tương tượng như bản khiến cho ta thực hiện gấp rúc những điều ghê rợn của mình đã sinh ra. **“Con người tưởng cái gì thì sẽ thành cái đó,”** ấy là định luật, áp dụng vào tư tưởng xấu cũng như tư tưởng tốt. Và lại, chăm chú vào một tư tưởng xấu, có kết quả trước hết là thấm nhuần lần lần những sự



khả ố của tư tưởng đó và sau cùng xúi giục người sinh ra tư tưởng xấu phải thực hành điều y đã tưởng.

Đó là luật tư tưởng và quyền năng của nó. “Rất hữu phước cho người nào biết được điều ấy và đem ra áp dụng.”



## CHƯƠNG 11

### CÁC GIAI ĐOẠN TRÊN ĐƯỜNG ĐẠO

Quá trình thông thường của sự tiến hoá nhân loại là đưa con người tiến lên từ giai đoạn này đến giai đoạn khác. Nhưng khoảng chia cách bậc vĩ nhân và thánh nhân,<sup>7</sup> đối với người đã tới ngưỡng cửa Thiên Đình rộng lớn vô cùng, nó còn rộng lớn hơn nữa đối với người đã thực hành toàn vẹn lời khuyên của đấng Christ: “Hãy trọn lành như Cha các người ở trên trời trọn lành vậy.”<sup>8</sup> Phải chăng có một con đường dẫn đến cửa chánh mà các thánh kinh có dạy: “Khó khăn thay cái cửa chánh và chật hẹp thay con đường dẫn đến sự sống, và ít thay số người gặp được cửa chánh và đường hẹp?” Ai là người trọn lành mà thánh Phao Lồ (Saint Paul) đã nói?

Sự thật, có một con đường đưa đến cửa chánh này, và rất ít người được bước vào con đường chật hẹp đó. Cánh cửa ấy là cửa điểm đạo, cũng được gọi là: “sinh lại lần thứ nhì” hoặc “làm lễ rửa tội” (baptême) của đức Thánh Linh và lửa; ấy là con đường đạo, dẫn đến sự hiểu biết đức Thượng Đế, Ngài vốn là sự sống trong cõi trường tồn bất diệt.

---

<sup>7</sup> Thánh nhân theo nghĩa thông thường ngoài đời.

<sup>8</sup> Thành chánh quả.

Ở tây phương, những giai đoạn liên tục của đường đạo đã được các nhà thần bí học gọi là sự luyện tội, sự giác ngộ và sự hiệp nhất. Ở đông phương thì nhà huyền bí học - người thông hiểu, hoặc là nhà cao đẳng thần học - thấy các giai đoạn này có khác chút ít và chia đường đạo ra hai giai đoạn lớn: thời kỳ nhập môn và con đường đạo chánh thức; cũng giống như sự giác ngộ và sự hiệp nhất. Hơn nữa trong thời kỳ nhập môn, nhà huyền bí học phải lo mở những đức tánh chỉ định để bước vào cửa đạo mới chấm dứt thời kỳ nhập môn này; khi đã bước trên con đường đạo rồi, phải tự mình chặt đứt 10 dây chướng ngại ngăn cản không cho ta đến nơi giải thoát hay là nơi cứu cánh cuối cùng, và vượt qua 4 cửa chánh khác nữa gọi là điếm đạo.

Muốn bước qua cửa đạo thứ nhất, phải mở mang mỗi đức tánh sau này, đến một hạn độ. Những đức tánh đó là:

1- Sự phân biệt hay là năng lực biết được sự chân và sự giả, cái vĩnh viễn và cái vô thường (giả tạm), ấy là cặp mắt tinh đời thấu đáo được cái thật và biết được cái hư, trá hình bất cứ dưới hình thức nào.

2- Dứt mọi sự ham muốn hay là quan năng để thoát ngoài vòng ham muốn những vật tạo ra sự khoái lạc, hoặc xua đuổi những vật sinh ra đau khổ, nhờ hoàn toàn làm chủ được mấy thể thấp, và vượt khỏi phạm non.

3- Sáu qui tắc về hạnh kiểm: 1. Kiểm soát cái trí. 2. Kiểm soát thể xác (lời nói và việc làm). 3. Khoan dung. 4.

Nhẫn nại hay là bình tĩnh. 5. Sự thẳng bằng (quân bình) hay điềm đạm. 6. Tự tín.

4- Sự hấp dẫn để hiệp nhất hay lòng bác ái. Đó là những đức tánh mà sự mở mang dắt con người đến cửa điềm đạo thứ nhứt; phải chí quyết chăm chỉ khi mà ta quyết định tiến tới lệ làng để thành người phụng sự nhân loại.

Người nào có đủ mấy đức tánh này đến một trình độ đủ sức “gõ cửa” để người ta mở cho, thì mình đã sẵn sàng vượt qua ngưỡng cửa chánh và đi trên đường đạo. Khi đã được “điềm đạo,” hoặc “sinh ra lần thứ nhì.” Người được điềm đạo là người du phương - người đi ta bà (nói theo Ấn giáo), hoặc nói theo Phật giáo thì gọi là “người nhập lưu” (Tu đà huòn).

Trước khi được điềm đạo thứ nhì phải trừ cho được hoàn toàn những chướng ngại này:

1- Ý chia rẽ (nghĩa là phải cảm thấy tất cả linh hồn là một).

2- Sự ngò vức (phải thực hiện, chớ không phải chỉ tin mà thôi, những chân lý lớn là luật quả báo, luân hồi, và sự tận thiện, tận mỹ mà ta có thể đạt được, khi theo con đường đạo).

3- Sự dị đoan (nhất là đức tánh căn cứ vào các nghi thức và lễ bái). Khi ba điều trở ngại này tiêu mất, con người đã được điềm đạo lần thứ nhứt, sửa soạn bước qua cửa chánh thứ nhì; và trở nên “người kiến thiết”

(kutichaka), hoặc là người chỉ trở lại trần một lần nữa (Tu đà hàm – Sakadagamin); người bây giờ, phải tập phát triển những quyền năng của các thể tinh vi, (người ta gọi là mở những phép thần thông) hầu có đủ năng lực làm công việc trong ba cõi.

Sự vượt qua cửa chánh thứ ba của người đã được điểm đạo là “hiệp nhất” (hamsa, “Tôi là Ngài”), hoặc gọi là “người không trở lại trần nữa,” chỉ trừ khi nào ý người muốn trở lại thì không kể. Ấy là vị “A na hàm” (Anagamin). Vì trong thời kỳ sinh sống này, người phải lo vượt qua luôn cửa thứ tư và người nào qua được khỏi cửa chót này thì chẳng cần đầu thai lại nữa. Bây giờ, người phải dứt bỏ các chướng ngại của sự ham muốn (sự ham muốn hiểm có còn sót trong người) và sự xô đuổi, chẳng có gì mà xô đuổi nữa, bởi vì, đến đây, người phải thấy được sự hiệp nhất. Nếu được vậy thì người đã vượt được “cửa thứ tư” và trở thành người thoát tục (paramahamsa, “ngoài bản ngã”), hay là “người đáng kính”, tôn giả (Arhat: La hán).

Còn 5 điều chướng ngại tinh tế, cầm giữ người lại nữa; rất khó mà dứt cho hết cái lưới nhện khéo léo của nó, đến đời bực La hán thường thường phải mất 7 kiếp mới đến bực Chơn Sư, người hoàn toàn, người trường sinh, siêu nhân, “người không còn phải học ở trong thái dương hệ này,” vì Ngài có thể biết được lập tức những cái gì Ngài muốn biết, chỉ chú ý vào đó.

5 chướng ngại này tuy tế nhị mà bền dai lắm, ấy là:

1- Ý muốn sống trong hình thể.

2- Ý muốn sống ngoài hình thể.

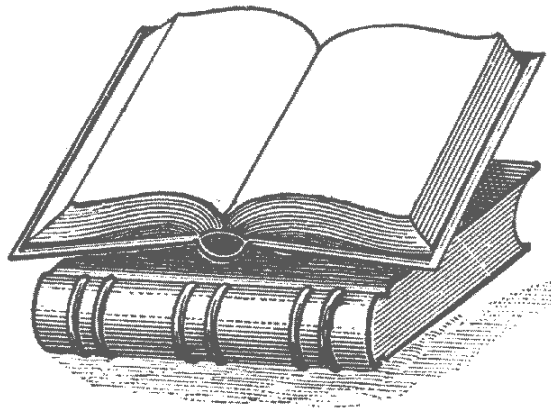
3- Tự hào về sự trọng đại của công việc thi hành.

4- Sự có thể cảm nhiễm bởi bất kỳ sự gì xảy đến.

5- Và rốt lại là sự ảo ảnh, là bức màn tinh vi chót, còn có thể làm cho “sự thật” phải biến hình, tức là “vô minh”.

Khi tất cả sự hạn chế đã dứt tuyệt, “con người” đã thắng trận, đã mãn lớp học làm người; “con người” đã trở thành một “cây trụ” trong đền thờ đức Thượng Đế và không khi nào bỏ đi ra nữa.

Ấy là người trọn lành, một trong những “người sinh ra trước”, một người anh cả của giống dân ta.



## CHƯƠNG 12

### NHỮNG HUYNH TRƯỞNG CỦA CHÚNG TA

Chúng ta đã miêu tả các cấp bậc mà mỗi người phải vượt qua để tiến đến bậc siêu nhân. Bây giờ, chúng ta hãy quan sát các mối liên quan với các thế giới của những vị đã đến một bậc cao như thế, nhưng các Ngài vẫn còn ở trong gia đình nhân loại, các Ngài là những bậc huynh trưởng.

Tất cả các tôn giáo lập ra đều do một vị Giáo Chủ, là người đã vượt hẳn trên nhân loại; tất cả sách sử xưa đã chép rằng: có những vị Siêu Phàm đã sắp đặt nền tảng của các quốc gia và dìu dắt họ trong lúc họ còn ở trong thời kỳ ấu trĩ và niên thiếu; người ta còn nói đến các vị Thánh Đế những triều đại vua chúa thiêng liêng, các vị Thánh Sư; toàn thể bằng chứng của thời kỳ dĩ vãng đều giống nhau như thế, những dấu vết của những nền cựu văn minh hùng cường như thế, thì chúng ta không thể nào cho rằng các bằng chứng này không có giá trị, cũng không thể biện hộ rằng những nền văn minh đó là sản phẩm của một giống dân còn trong thời kỳ ấu trĩ tạo ra, mà không có sự can thiệp nào cả. Nên để ý những thánh kinh xưa nhất, cao thượng nhất và phi thường nhất. Thanh Tịnh kinh của người Trung Hoa, kinh Upanishads của Ấn Độ, kinh Gathas của Ba Tư là những kinh thật cao thâm, hơn cả các kinh sách đạo đức khác, cũng ở các xứ đó mà viết ra sau. Phần luân lý trong mấy quyển kinh đáng kính trọng này được phô bày dưới hình thức những điều xác định có

chúng điếm chó không phải như những giáo lý của người Scribes (pháp sư Do Thái).

Chẳng có tôn giáo nào chối cãi hoặc khinh bỉ mấy việc ấy, nếu chúng nó thuộc về những vị Giáo Chủ và những thánh kinh riêng của mình, nhưng tiếc thay, phần nhiều lại có ý phủ nhận hoặc khinh bỉ khi chúng nó thuộc về những vị Giáo Chủ và thánh kinh của các tôn giáo khác. Các sinh viên của trường minh triết hiểu rằng: mỗi điều xác nhận phải được chấp thuận hoặc bác bỏ một cách vô tư, và những nhà huyền bí học biết rằng: tuy có nhiều chuyện thần thoại và truyền kỳ đã tạo ra chung quanh các vị đại Thánh ấy, nhưng thật ra, đầu xưa hay nay, chẳng có lúc nào mà lại không có các Ngài.<sup>9</sup>

Quần Tiên Hội đang cai trị, dạy dỗ và điều dắt cả thế giới là một tổ chức có cấp bậc; mỗi cấp bậc có nhiều phận sự riêng biệt. Các Ngài thi hành phận sự một cách hoàn toàn điều hoà. Các Ngài lo làm cho xong một phần thiên cơ của các Đấng chí tôn, tức là đức Thái Dương Thượng Đế, mà trong công việc đó các Ngài “thật là hoàn toàn tự do.” Có hai cung trong những cung quan trọng hơn hết của Quần Tiên Hội là: cung cầm quyền thống trị và dạy dỗ (tức cung 1 và cung 2) cho cả thế giới của chúng ta.

Những vị mà người Ấn Độ gọi là 4 vị Koumaras, là những vị chỉ huy cung thống trị, còn các vị Bàn Cổ của các giống dân (Manous des races) là những viên quan phụ tá

---

<sup>9</sup> Các Ngài trường sinh bất tử.



của Ngài; thấp hơn các Ngài là các vị siêu phàm trong đó có những vị đang ở bậc Tiên Trưởng mà chúng ta gọi là Chơn Sư và đang thi hành các chi tiết của công việc này. Các Ngài lại lãnh phần dìu dắt cuộc tiến hoá, đào tạo các giống dân, dắt dẫn họ đến những vùng đại lục mà họ phải ở, trông nom các định luật gây ra sự thăng trầm của các giống dân, các đế quốc, các nền văn minh.

Cầm đầu cung giáo dục là đức “Toàn Giác”, tức là đức Phật; khi từ già cõi hồng trần, Ngài giao pháp trượng của đức Giáo Chủ cho vị lên thế cho Ngài là đức Bồ Tát. Đức Bồ Tát sẽ thành Phật như Ngài. Đức Bồ Tát là đức Chương Giáo của các cõi trời. Vị Giáo Chủ tối cao này luôn luôn có mặt, Ngài linh cảm những đức tin của thế gian, Ngài rèn đức lần lần cho chúng nó trở nên hữu ích trong sự tiến hoá của nhân loại và dìu dắt mỗi tôn giáo lên cao thêm, tùy theo sự ương ngạnh và vô minh nhiều hay ít của con người, Ngài có những phụ tá trong hàng ngũ Tiên Thánh trợ giúp. Các lượn sóng tinh thần to tát phát sinh từ nơi Quần Tiên Hội đem nguồn sống thấm nhuần thế gian.

Trong các vị Tiên Trưởng kể trên, có nhiều vị được riêng gọi là Chơn Sư. Các Ngài thu nhận làm đệ tử người nào có một trình độ tiến hoá gần kề “cửa chánh điểm đạo” và đang cố gắng để mở mang những đức tánh đã kể ra trước đây.

Nhiều vị đã đến bậc 5 lần điểm đạo lại không thu nhận đệ tử, vì còn bận nhiều công việc giúp đỡ nhân loại. Nhưng có nhiều vị cao hơn bậc Chơn Sư nữa, vẫn còn giữ

lại các đệ tử chân thành với các Ngài từ lâu, vì tình liên lạc quá mật thiết và quá bền chắc, nên không lìa nhau được.

Hội Thông Thiên Học là con đường mở rộng, người ta có thể theo đó để tìm các vị đại Giáo Chủ này và chắc chắn sẽ gặp các Ngài. Hiện giờ, có nhiều người đã gặp các Ngài tận mặt, riêng tôi, kẻ viết mấy hàng này, tôi có thể thêm bằng chứng hèn mọn của tôi vào những bằng chứng đã truyền lại cho chúng ta từ ngàn xưa, bởi vì chính tôi cũng đã thấy và biết các Ngài.



**- HẾT -**

## HỘI THÔNG THIÊN HỌC CÓ BA MỤC ĐÍCH

1. Tạo một tình huynh đệ đại đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp hay màu da.
2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu tôn giáo, triết lý và khoa học.
3. Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

Muốn gia nhập hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và xin liên lạc với hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết.

Muốn biết thêm chi tiết, xin viết thư cho vị tổng thư ký hội .

**Bản định chính:** Adyar, Chennai (Madras), 600 020 India

**Hoa Kỳ:** Theosophical Society in America

P.O. Box 270

Wheaton, IL 60189-0270

**Canada:** 2123 Jacques Hertel

Montréal, QC

H4L 1R4

**Pháp Quốc:** 4 Square Rapp

Paris VII è, France